

Số: 60 /2013/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa
bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 03 tháng 12 năm 2004 về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2010/TTLT-BTNMT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành bảng giá đất và điều chỉnh bảng giá đất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố ngày 10 tháng 12 năm 2013 về Bảng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2014;

Xét đề nghị của Ban Chỉ đạo xây dựng bảng giá đất Thành phố tại Tờ trình số 15/TTr-BCĐBĐ ngày 20 tháng 11 năm 2013; Công văn số 8069/TNMT-KTĐ ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 12575A/STC-BVG ngày 09 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Quyết định này thay thế Quyết định số 61/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam TP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng CV, ĐTMT (5b), TTCB;
- Lưu VT, (ĐTMT-C) D. 105

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

QUY ĐỊNH

Về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**Chương I
PHÂN LOẠI ĐẤT VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

Điều 1. Phân loại đất

Căn cứ mục đích sử dụng, đất đai được phân loại thành ba (03) nhóm theo quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Điều 2. Phạm vi áp dụng

1. Giá đất tại Quy định này được sử dụng làm căn cứ, để:

a) Tính thuế sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

b) Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Luật Đất đai năm 2003.

c) Tính tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất trong hạn mức sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điểm c Khoản 1 và Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

d) Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;

đ) Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;

e) Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, Điều 40 của Luật Đất đai năm 2003;

g) Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Đối với trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, cho thuê đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; và trường hợp doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa lựa chọn hình thức giao đất: nếu tại thời điểm giao đất, cho thuê đất, thời điểm có quyết định thu hồi đất, thời điểm tính giá đất vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa mà giá đất theo Quy định này chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì căn cứ vào giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường để xác định lại giá đất cụ thể cho phù hợp.

3. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thì mức giá khởi điểm quyền sử dụng đất không được thấp hơn mức giá đất theo Quy định này.

4. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Chương II **BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**

Điều 3. Giá nhóm đất nông nghiệp

1. Phân khu vực và vị trí đất:

a) Khu vực: đất nông nghiệp được phân thành ba (03) khu vực:

- Khu vực I: thuộc địa bàn các quận;

- Khu vực II: thuộc địa bàn các huyện Hóc Môn, huyện Bình Chánh, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi;

- Khu vực III: địa bàn huyện Cần Giờ.

b) Vị trí:

- Đối với đất trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm, trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản: chia làm ba (03) vị trí:

+ Vị trí 1: tính từ lề đường (đường có tên trong bảng giá đất ở) trong phạm vi 200m;

+ Vị trí 2: trong phạm vi trên 200m đến 400m;

+ Vị trí 3: các vị trí còn lại.

- Đối với đất làm muối: chia làm ba (03) vị trí:

+ Vị trí 1: có khoảng cách đến đường giao thông thủy, đường bộ hoặc đến kho muối tập trung tại khu vực sản xuất trong phạm vi 200m;

+ Vị trí 2: có khoảng cách đến đường giao thông thủy, đường bộ hoặc đến kho muối tập trung tại khu vực sản xuất trong phạm vi trên 200m đến 400m;

+ Vị trí 3: các vị trí còn lại.

2. Bảng giá các loại đất nông nghiệp:

a) Bảng giá đất trồng lúa nước, đất trồng cây hàng năm khác (Bảng 1).

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	162.000	130.000	97.000
Vị trí 2	130.000	104.000	78.000
Vị trí 3	97.000	78.000	58.000

b) Bảng giá đất trồng cây lâu năm (Bảng 2)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	190.000	152.000	114.000
Vị trí 2	152.000	121.000	100.000
Vị trí 3	114.000	100.000	68.000

c) Bảng giá đất rừng sản xuất (Bảng 3)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
Vị trí 1	72.000
Vị trí 2	57.600
Vị trí 3	43.200

* Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất.

d) Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản (Bảng 4)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Khu vực I	Khu vực II	Khu vực III
Vị trí 1	162.000	130.000	97.000
Vị trí 2	130.000	104.000	78.000
Vị trí 3	97.000	78.000	58.000

đ) Bảng giá đất làm muối (Bảng 5)

Đơn vị tính: đồng/m²

Vị trí	Đơn giá
Vị trí 1	74.400
Vị trí 2	59.520
Vị trí 3	44.640

e) Giá đất trong các trường hợp sau được quy định bằng mức giá đất trồng cây lâu năm vị trí 1 cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn, khu dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; hoặc chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

Điều 4. Giá nhóm đất phi nông nghiệp

1. Bảng giá đất ở tại đô thị và nông thôn:

a) Vị trí đất ở mặt tiền: (Bảng 6 đính kèm).

b) Vị trí đất trong hẻm:

- Vị trí hẻm:

+ Vị trí 1: có chiều rộng hẻm lớn hơn 5m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng;

+ Vị trí 2: có chiều rộng hẻm từ 3m đến 5m được trải nhựa hoặc bê tông xi măng;

+ Vị trí 3: có chiều rộng hẻm từ 2m đến dưới 3m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng;

+ Vị trí 4: có chiều rộng hẻm dưới 2m được trải nhựa hoặc bê tông, xi măng.

- Phân cấp hẻm:

+ Hẻm cấp 1: là hẻm có vị trí tiếp giáp với mặt tiền đường;

+ Hẻm cấp 2: là hẻm nhánh có vị trí tiếp giáp với hẻm cấp 1;

+ Cấp hẻm còn lại.

- Hệ số để tính giá đất theo các vị trí và cấp hẻm so với giá đất mặt tiền đường:

STT	Loại hẻm	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
1	Hẻm cấp 1	0,5	0,4	0,3	0,2
2	Hẻm cấp 2	Tính bằng 0,8 lần giá hẻm cấp 1			
3	Cấp hẻm còn lại	Tính bằng 0,8 lần giá hẻm cấp 2			

Nếu là hẻm đất, tính bằng 0,8 lần so với mức giá của hẻm trải nhựa hoặc bê tông, xi măng của cùng loại hẻm.

2. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

3. Căn cứ mức giá cụ thể đã quy định đối với giá các loại đất liền kề để xác định giá cho các loại đất sau, cụ thể:

- Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo; đất tín ngưỡng (đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật), thì căn cứ giá đất ở liền kề; nếu không có đất ở liền kề thì căn cứ vào giá đất ở khu vực gần nhất để xác định giá;

- Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo quy định của Chính phủ; các loại đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp), thì căn cứ giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp liền kề; nếu không có đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp liền kề thì căn cứ vào giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định giá;

- Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, thì căn cứ giá loại đất liền kề để xác định giá; trường hợp liền kề với nhiều loại đất khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá thấp nhất để xác định giá;

- Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản thì áp dụng khung giá đất nuôi trồng thủy sản; sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng khai thác thủy sản thì căn cứ vào giá đất phi nông nghiệp liền kề để xác định giá hoặc giá đất phi nông nghiệp khu vực gần nhất để xác định giá (nếu không có đất phi nông nghiệp liền kề).

Điều 5. Giá nhóm đất chưa sử dụng

Đối với các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây căn cứ vào giá các loại đất liền kề để xác định giá;

Đối với đất chưa sử dụng được cấp có thẩm quyền cho phép đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá đất cùng loại, cùng mục đích sử dụng để xác định giá.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Cục Thuế Thành phố, và các Sở - ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở - ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề xuất ý kiến trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và kịp thời./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
THAY THỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Tín



BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 1

Được ban hành kèm theo Quyết định số: 60 /2013/QĐ-UBND
Ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ALEXANDRE DE RHODES	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
2	BÀ LÊ CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
3	BÙI THỊ XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
4	BÙI VIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
5	CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
6	CAO BÁ NHA	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
7	CAO BÁ QUÁT	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
8	CHU MẠNH TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
9	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		41.800
10	CÔNG QUỲNH	TRỌN ĐƯỜNG		29.300
11	CÔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		21.300
12	CÔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
13	CÔNG TRƯỜNG LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		58.100
14	CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH			48.400
15	CÔNG XÃ PARIS	TRỌN ĐƯỜNG		48.400
16	CÂY ĐIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
17	ĐÌNH CÔNG TRẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.100
18	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	LÊ DUÂN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	30.600
		ĐIỆN BIÊN PHỦ	VÕ THỊ SÁU	33.000
		VÕ THỊ SÁU	CẦU BÔNG	27.500
19	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	ĐÌNH TIÊN HOÀNG	26.400
		ĐÌNH TIÊN HOÀNG	HAI BÀ TRUNG	33.000
20	ĐẶNG DUNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
21	ĐẶNG THỊ NHƯ	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
22	ĐẶNG TRẦN CÔN	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
23	ĐẶNG TÁT	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
24	ĐỀ THẨM	VÕ VĂN KIẾT	TRẦN HƯNG ĐẠO	19.800
		TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	27.900
25	ĐÔNG KHÔI	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
26	ĐỖ QUANG ĐÀU	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
27	ĐÔNG DU	TRỌN ĐƯỜNG		44.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		5
28	HAI BÀ TRUNG	BẾN BẠCH ĐĂNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	48.400
		NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	46.200
		VÕ THỊ SÁU	NGÃ 3 TRẦN QUANG KHAI	44.000
		NGÃ 3 TRẦN QUANG KHAI	CẦU KIỀU	31.900
29	HOÀ MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
30	HUYỀN QUANG	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
31	HUYỀN TRẦN CÔNG CHÚA	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
32	HUỶNH THỨC KHÁNG	NGUYỄN HUỆ	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	46.200
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	QUÁCH THỊ TRANG	40.700
33	HUỶNH KHƯƠNG NINH	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
34	HÀM NGHI	TRỌN ĐƯỜNG		50.600
35	HÀN THUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
36	HẢI TRIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
37	HOÀNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
38	HỒ HUẤN NGHIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		46.200
39	HỒ HẢO HƠN	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
40	HỒ TÙNG MẬU	VÕ VĂN KIẾT	HÀM NGHI	36.300
		HÀM NGHI	TÔN THẮT THIỆP	48.400
41	KỶ CON	TRỌN ĐƯỜNG		31.900
42	LÝ TỰ TRỌNG	NGÃ SÁU PHỦ ĐÔNG	HAI BÀ TRUNG	50.600
		HAI BÀ TRUNG	TÔN ĐỨC THẮNG	39.600
43	LÝ VĂN PHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
44	LƯƠNG HỮU KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		19.400
45	LÊ ANH XUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
46	LÊ CÔNG KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		37.400
47	LÊ DUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		55.000
48	LÊ LAI	CHỢ BẾN THÀNH	NGUYỄN THỊ NGHĨA	44.000
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRÁI	39.600
49	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
50	LÊ THÁNH TÔN	PHẠM HỒNG THÁI	ĐÔNG KHỞI	61.600
		ĐÔNG KHỞI	TÔN ĐỨC THẮNG	55.000
		TÔN ĐỨC THẮNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	39.600
51	LÊ THỊ HỒNG GẮM	NGUYỄN THÁI HỌC	CALMETTE	24.200
		CALMETTE	PHỐ ĐỨC CHÍNH	29.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
52	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
53	LƯU VĂN LANG	TRỌN ĐƯỜNG		41.800
54	LÊ VĂN HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
55	MAI THỊ LỰU	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
56	MÃ LỘ	TRỌN ĐƯỜNG		16.300
57	MAC THỊ BƯỞI	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
58	MAC ĐÌNH CHI	ĐIỆN BIÊN PHỦ	TRẦN CAO VÂN	26.400
		TRẦN CAO VÂN	NGUYỄN DU	29.700
59	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	CẦU THỊ NGHÈ	HAI BÀ TRUNG	36.300
		HAI BÀ TRUNG	CÔNG QUỲNH	38.500
		CÔNG QUỲNH	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	33.000
60	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	VÕ VĂN KIẾT	HÀM NGHI	39.600
		HÀM NGHI	LÊ THÁNH TÔN	37.800
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	36.300
61	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		39.600
62	NGUYỄN CẢNH CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
63	NGUYỄN CÔNG TRÚ	NGUYỄN THÁI HỌC	PHÓ ĐỨC CHÍNH	28.600
		PHÓ ĐỨC CHÍNH	HỒ TÙNG MẬU	44.000
64	NGUYỄN CỬ TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
65	NGUYỄN DU	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NAM KỶ KHỞI NGHĨA	28.600
		NAM KỶ KHỞI NGHĨA	HAI BÀ TRUNG	33.000
		HAI BÀ TRUNG	TÔN ĐỨC THẮNG	28.600
66	NGUYỄN HUY TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		24.200
67	NGUYỄN HUỆ	TRỌN ĐƯỜNG		81.000
68	NGUYỄN VĂN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
69	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
70	NGUYỄN HỮU CẦU	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
71	NGUYỄN KHẮC NHU	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
72	NGUYỄN PHI KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
73	NAM QUỐC CANG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
74	NGUYỄN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
75	NGUYỄN THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		37.400
76	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		37.400
77	NGUYỄN THÁI HỌC	TRẦN HƯNG ĐẠO	PHẠM NGŨ LÃO	30.800
		ĐOẠN CÒN LẠI		24.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
78	NGUYỄN THÀNH Ý	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
79	NGUYỄN THỊ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
80	NGUYỄN TRUNG NGẠN	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
81	NGUYỄN TRUNG TRỰC	LÊ LỢI	LÊ THÁNH TÔN	41.100
		LÊ THÁNH TÔN	NGUYỄN DU	38.500
82	NGUYỄN TRẢI	NGÃ 6 PHỦ ĐÔNG	CÔNG QUỲNH	44.000
		CÔNG QUỲNH	NGUYỄN VĂN CỪ	33.000
83	NGUYỄN VĂN CHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
84	NGUYỄN VĂN CỪ	VÕ VĂN KIẾT	TRẦN HƯNG ĐẠO	24.200
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CỪ	26.400
85	NGUYỄN VĂN GIAI	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
86	NGUYỄN VĂN THỦ	HAI BÀ TRUNG	MẠC ĐÌNH CHI	24.200
		MẠC ĐÌNH CHI	HOÀNG SA	22.000
87	NGUYỄN VĂN TRĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
88	NGUYỄN VĂN NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		17.000
89	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	HAI BÀ TRUNG	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	33.000
		NGUYỄN BÌNH KHIÊM	HOÀNG SA	26.400
90	NGUYỄN BÌNH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
91	NGÔ VĂN NĂM	TRỌN ĐƯỜNG		40.600
92	NGÔ ĐỨC KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
93	PASTEUR	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HÀM NGHI	46.600
		HÀM NGHI	VÕ VĂN KIẾT	42.200
94	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
95	PHAN CHÂU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
96	PHAN KẾ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		20.900
97	PHAN LIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		16.900
98	PHAN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
99	PHAN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
100	PHAN VĂN TRƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
101	PHAN VĂN ĐẠT	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
102	PHẠM HỒNG THÁI	TRỌN ĐƯỜNG		41.800
103	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		37.400
104	PHẠM NGŨ LÃO	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRẦN HƯNG ĐẠO	34.100
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN THỊ NGHĨA	31.900
		NGUYỄN THỊ NGHĨA	NGUYỄN TRẢI	35.200
105	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		22.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
106	PHỐ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
107	PHÙNG KHẮC KHOAN	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
108	SƯƠNG NGUYỆT ÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		38.500
109	THỊ SÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
110	THÁI VĂN LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		44.700
111	THẠCH THỊ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
112	THỦ KHOA HUÂN	NGUYỄN DU	LÝ TỰ TRỌNG	44.000
		LÝ TỰ TRỌNG	LÊ THÁNH TÔN	44.000
113	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
114	TRẦN DOÃN KHANH	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
115	TRẦN HUNG ĐẠO	QUÁCH THỊ TRANG	NGUYỄN THÁI HỌC	44.000
		NGUYỄN THÁI HỌC	NGUYỄN KHẮC NHU	44.000
		NGUYỄN KHẮC NHU	NGUYỄN VĂN CỬ	35.200
116	TRẦN KHÁNH DƯ	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
117	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
118	TRẦN NHẬT DUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
119	TRẦN QUANG KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
120	TRẦN QUÝ KHOÁCH	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
121	TRẦN ĐÌNH XU	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
122	TRỊNH VĂN CÂN	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
123	TRƯƠNG HÁN SIÊU	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
124	TRƯƠNG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		44.000
125	TÔN THẤT THIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		34.100
126	TÔN THẤT TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
127	TÔN THẤT ĐẠM	TÔN THẤT THIỆP	HÀM NGHI	39.600
128	TÔN ĐỨC THẮNG	HÀM NGHI	VÕ VĂN KIẾT	33.000
		LÊ DUÂN	CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	50.900
		CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH	CẦU NGUYỄN TẮT THÀNH	52.800
129	VÕ VĂN KIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
130	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		31.700
131	YERSIN	TRỌN ĐƯỜNG		31.900

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

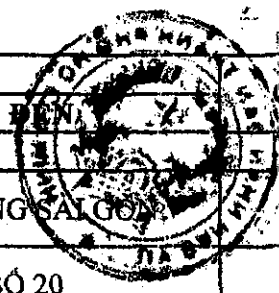


BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 2

hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	TRẦN NẢO	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	11.000
		LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CẦU CÁ TRÊ	6.600
2	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGÃ TƯ TRẦN NẢO - LƯƠNG ĐỊNH CỦA	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	6.600
3	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
4	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
5	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 2	ĐƯỜNG 5	3.900
6	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
7	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	2.900
8	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	2.900
9	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	2.900
10	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 9	2.900
11	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 13	2.900
12	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 8	3.900
13	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
14	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
15	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	ĐƯỜNG 9	3.900
16	ĐƯỜNG SỐ 14, 15 PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 12	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
17	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 14	KHU DỰ ÁN HIM LAM	3.900
18	ĐƯỜNG SỐ 17, 18 PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	3.900
19	ĐƯỜNG SỐ 19, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 20	3.900
20	ĐƯỜNG SỐ 19B, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 20	3.900



STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
21	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	GIÁP SÔNG SÀI GÒN	4.300
22	ĐƯỜNG SỐ 21, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 20	4.300
23	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 21	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
24	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
25	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 25	3.900
26	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 29	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
27	ĐƯỜNG SỐ 26, 28 PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 25	SÔNG SÀI GÒN	3.900
28	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG 25	3.900
29	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
30	ĐƯỜNG SỐ 30, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	KHU DỰ ÁN CÔNG TY PHÚ NHUẬN	3.900
31	ĐƯỜNG SỐ 30B, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 30	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
32	ĐƯỜNG SỐ 31, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
33	ĐƯỜNG SỐ 32, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 31	SÔNG SÀI GÒN	3.900
34	ĐƯỜNG SỐ 33, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN HÀ QUANG	3.900
35	ĐƯỜNG SỐ 1, DỰ ÁN THANH PHÚ (NHÀ SỐ 1 ĐẾN NHÀ SỐ 9 ĐƯỜNG 33), PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
36	ĐƯỜNG SỐ 2, DỰ ÁN THANH PHÚ (HÈM SỐ 1 ĐƯỜNG 33, P. BÌNH AN)	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
37	ĐƯỜNG SỐ 34, PHƯỜNG BÌNH AN	TRẦN NẢO	SÔNG SÀI GÒN	3.900
38	ĐƯỜNG SỐ 35, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 34	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
39	ĐƯỜNG SỐ 36, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
40	ĐƯỜNG SỐ 37, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 38	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
41	ĐƯỜNG SỐ 38, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	SÔNG SÀI GÒN	3.900
42	ĐƯỜNG SỐ 39, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 34	CUỐI ĐƯỜNG	3.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
43	ĐƯỜNG SỐ 40, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 37	ĐƯỜNG 39	3.900
44	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 36	ĐƯỜNG 38	3.900
45	ĐƯỜNG SỐ 45, PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	KHU DÂN CƯ DỰ ÁN CÔNG TY BÌNH MINH	3.900
46	ĐƯỜNG SỐ 46, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG 45	ĐƯỜNG 47	3.900
47	ĐƯỜNG SỐ 47, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 45	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
48	ĐƯỜNG SỐ 48, PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG SỐ 46	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
49	ĐẶNG HỮU PHỎ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG SỐ 39	3.900
50	ĐỖ QUANG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
51	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN (KHU BẢO CHỈ)	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	3.300
52	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
53	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
54	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	LÊ THUỐC	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
55	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
56	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
57	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
58	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	VÕ TRƯỜNG TOÀN	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
59	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
60	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
61	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN BÁ HUÂN	3.900
62	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	ĐƯỜNG 48	3.300
63	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
64	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
65	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
66	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG 59	ĐƯỜNG 66	3.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
67	ĐƯỜNG 48, 59, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
68	ĐƯỜNG 49B, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	XUÂN THỦY	SÔNG SÀI GÒN	3.900
69	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	XUÂN THỦY	LÊ VĂN MIỄN	3.700
70	ĐƯỜNG 54, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 49B	SÔNG SÀI GÒN	3.300
71	ĐƯỜNG 55, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 41	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
72	ĐƯỜNG 56, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
73	ĐƯỜNG 57, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 44	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
74	ĐƯỜNG 58, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 55	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
75	ĐƯỜNG 60, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 59	RẠCH ÔNG DÌ	3.300
76	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	GIÁP ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 47	3.300
77	ĐƯỜNG 62, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 61	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
78	ĐƯỜNG 63, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 64	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
79	ĐƯỜNG 64, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐƯỜNG 66	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
80	ĐƯỜNG 65, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	QUỐC HƯƠNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
81	ĐƯỜNG 66, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	ĐƯỜNG 47	3.300
82	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN (KHU BẢO CHÍ)	THẢO ĐIỆN	SÔNG SÀI GÒN	3.900
83	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	THẢO ĐIỆN	SÔNG SÀI GÒN	3.300
84	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
85	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 1, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	NGUYỄN Ư DĨ	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
86	ĐƯỜNG SỐ 5, KP 3, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	ĐẦU ĐƯỜNG	RẠCH BẢO CHÍ	4.200
87	LÊ THUỐC, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 12	4.200
88	LÊ VĂN MIỄN, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỆN	3.900
89	NGÔ QUANG HUY, PHƯỜNG THẢO ĐIỆN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỆN	4.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
90	NGUYỄN BÁ HUÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
91	NGUYỄN BÁ LÂN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	XA LỘ HÀ NỘI	4.200
92	NGUYỄN CỬ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
93	NGUYỄN ĐĂNG GIAI, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	RẠCH ÔNG CHUA	4.200
94	NGUYỄN DUY HIỆU, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
95	NGUYỄN Ứ DĨ, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRẦN NGỌC DIỆN	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
96	NGUYỄN VĂN HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XUÂN THỦY	THẢO ĐIỀN	4.600
97	QUỐC HƯƠNG, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 47	4.600
98	THẢO ĐIỀN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	XA LỘ HÀ NỘI	NGUYỄN VĂN HƯƠNG (TRƯỚC BAN ĐIỀU HÀNH KP3)	7.300
99	TÔNG HỮU ĐỊNH, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	THẢO ĐIỀN	4.200
100	TRẦN NGỌC DIỆN, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	4.600
101	TRÚC ĐƯỜNG (ĐƯỜNG SỐ 3 KHU BÁO CHÍ), PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	SÔNG SÀI GÒN	5.100
102	VÕ TRƯỜNG TOÀN	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 11	7.500
		ĐƯỜNG 11	RIVERSIDE	6.200
103	XA LỘ HÀ NỘI	CHÂN CẦU SÀI GÒN	CẦU RẠCH CHIẾC	11.000
104	XUÂN THỦY, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	THẢO ĐIỀN	QUỐC HƯƠNG	5.500
		QUỐC HƯƠNG	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	4.800
105	ĐƯỜNG CHÍNH (ĐOẠN 1, DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 12M - 17M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG THẢO ĐIỀN	ĐƯỜNG VEN SÔNG	3.700
106	ĐƯỜNG NHÁNH CỤT (DỰ ÁN FIDICO), LỘ GIỚI 7M-12M, PHƯỜNG THẢO ĐIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		3.400
107	AN PHÚ, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
108	ĐẶNG TIỀN ĐÔNG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
109	ĐỖ XUÂN HỢP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG-AN PHÚ	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU NAM LÝ	3.300
110	ĐOÀN HỮU TRUNG, PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
111	ĐƯỜNG 1 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 15	3.500
112	ĐƯỜNG 2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
113	ĐƯỜNG 3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 15	3.500
114	ĐƯỜNG 4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 14	3.500
115	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH)	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG SỐ 14	3.500
116	ĐƯỜNG 6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
117	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 8	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
118	ĐƯỜNG 8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
119	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	CUỐI ĐƯỜNG	3.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
120	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở VĂN MINH + DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN - CTY QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ QUẬN 2), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
121	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
122	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	3.500
123	ĐƯỜNG 13 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 4	3.500
124	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	3.500
125	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY VĂN MINH), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
126	ĐƯỜNG 1 (ĐƯỜNG H), KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
127	ĐƯỜNG 1, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 8	4.600
128	ĐƯỜNG 2, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
129	ĐƯỜNG 2, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
130	ĐƯỜNG 3, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 6 (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
131	ĐƯỜNG 3, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	ĐẶNG TIẾN ĐÔNG	4.400
132	ĐƯỜNG 4, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1- ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
133	ĐƯỜNG 4, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 8	3.300
134	ĐƯỜNG 5, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2- (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
135	ĐƯỜNG 5, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 4	AN PHÚ	3.500
136	ĐƯỜNG 6, KP1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1- ĐƯỜNG H (KHU TĐC 1HA)	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
137	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1	ĐOÀN HỮU TRUNG	3.300
138	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	4.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
139	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
140	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.200
141	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐOÀN HỮU TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
142	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
143	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	2.600
144	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 13	CUỐI ĐƯỜNG	3.300
145	ĐƯỜNG 15, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
146	ĐƯỜNG 16, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	AN PHÚ	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
147	ĐƯỜNG 17, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
148	ĐƯỜNG 18, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÔ TRƯỜNG TOÀN	ĐƯỜNG 20	5.900
149	ĐƯỜNG 19, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	VÔ TRƯỜNG TOÀN	ĐƯỜNG 20	4.600
150	ĐƯỜNG 20, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 18	ĐƯỜNG 19	4.600
151	ĐƯỜNG 21, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	GIANG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
152	ĐƯỜNG 22, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 21	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
153	ĐƯỜNG 23, KP4, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
154	ĐƯỜNG 24, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
155	ĐƯỜNG 25, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
156	ĐƯỜNG 26, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 29 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
157	ĐƯỜNG 27, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 26 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
158	ĐƯỜNG 28, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG 27 (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
159	ĐƯỜNG 29, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	ĐƯỜNG BẮC NAM II (KHU 87HA)	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
160	ĐƯỜNG A2.1, PHƯỜNG AN PHÚ	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG A2.2	5.100
161	ĐƯỜNG A2.10, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	ĐƯỜNG A2.15	4.000
162	ĐƯỜNG A2.11, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	ĐƯỜNG A2.15	4.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
163	ĐƯỜNG A2.12, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
164	ĐƯỜNG A2.13, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.14	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
165	ĐƯỜNG A2.14, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
166	ĐƯỜNG A2.15, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.10	ĐƯỜNG A2.12	4.000
167	ĐƯỜNG A2.16, PHƯỜNG AN PHÚ	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
168	ĐƯỜNG 1-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A2.1	SÔNG GIỒNG	4.000
169	THÂN VĂN NHIỆP	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
170	ĐƯỜNG 2-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1-KSG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
171	ĐƯỜNG 3-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1-KSG	ĐƯỜNG 2-KSG	4.000
172	ĐƯỜNG 4-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2-KSG	ĐƯỜNG 3-KSG	4.000
173	ĐƯỜNG 5-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2-KSG	THÂN VĂN NHIỆP	4.000
174	ĐƯỜNG 6-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 2-KSG	ĐƯỜNG 3-KSG	4.000
175	ĐƯỜNG 7-KSG, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 1-KSG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
176	ĐƯỜNG BẮC NAM II, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
177	ĐƯỜNG ĐÔNG TÂY I, KP5, PHƯỜNG AN PHÚ (QH 87HA)	LTL 25B	CUỐI ĐƯỜNG	5.100
178	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
179	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
180	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
181	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
182	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
183	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN SÀI GÒN RIVIERA)	ĐƯỜNG GIẢNG VĂN MINH	CUỐI ĐƯỜNG	11.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
184	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 4	4.000
185	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 8	4.000
186	ĐƯỜNG SỐ 3, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 9	ĐƯỜNG SỐ 10	4.000
187	ĐƯỜNG SỐ 4, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 12	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
188	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 10	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
189	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 7	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
190	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
191	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
192	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
193	ĐƯỜNG SỐ 10, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.000
194	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 5	4.000
195	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG AN PHÚ (DỰ ÁN 17,3 HA)	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	4.200
196	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐẶNG TIỀN ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	4.000
197	GIANG VĂN MINH, PHƯỜNG AN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	4.600
198	ĐÔNG VĂN CÔNG	NGÃ 3 CÁT LẠI - MAI CHÍ THỌ	CẦU GIỒNG ÔNG TÔ	3.400
		CẦU GIỒNG ÔNG TÔ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	4.200
199	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGÃ BA CÁT LẠI	CẦU GIỒNG ÔNG TÔ	4.000
		CẦU GIỒNG ÔNG TÔ	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	4.900
		ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	PHÀ CÁT LẠI	4.000
200	ĐƯỜNG SONG HÀNH (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRẦN NẢO	ĐƯỜNG A-1	8.200
201	NGUYỄN HOÀNG	XA LỘ HÀ NỘI	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	7.000
202	NGUYỄN QUÝ ĐỨC	ĐƯỜNG SONG HÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
203	VŨ TÔNG PHAN	NGUYỄN HOÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
204	TRẦN LỰU	VŨ TÔNG PHAN	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
205	ĐƯỜNG SỐ 4 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	LƯƠNG ĐỊNH CỦA	6.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
206	ĐƯỜNG SỐ 4A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	CUỐI ĐƯỜNG	6.100
207	ĐƯỜNG 5 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG TRẦN NẢO	ĐƯỜNG SỐ 8	6.200
208	THÁI THUẬN	NGUYỄN QUÝ CẢNH	CUỐI ĐƯỜNG	6.300
209	ĐƯỜNG 7 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	THÁI THUẬN	7.000
210	ĐƯỜNG 7A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	7.000
211	ĐƯỜNG 7B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG 7C1	ĐƯỜNG SỐ 7	7.000
212	ĐƯỜNG 7C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 5	ĐƯỜNG SỐ 7	7.000
213	ĐƯỜNG 7C1, PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7A	ĐƯỜNG SỐ 7C	7.000
214	NGUYỄN QUÝ CẢNH	ĐƯỜNG SONG HÀNH	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
215	ĐƯỜNG 8A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 7C	ĐƯỜNG SỐ 9	7.000
216	ĐƯỜNG 9 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 6	6.300
217	ĐƯỜNG 10 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY	6.300
218	ĐƯỜNG 11 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	LUÔNG ĐÌNH CỬA	6.300
219	ĐƯỜNG 11A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 11	ĐƯỜNG VÀNH ĐAI PHÍA TÂY	6.300
220	ĐƯỜNG 12 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 37	6.000
221	ĐƯỜNG 14 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SONG HÀNH	VŨ TÔNG PHAN	7.000
222	ĐƯỜNG 15 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG A1	ĐƯỜNG SỐ 23	6.100
223	DƯƠNG VĂN AN	NGUYỄN HOÀNG	ĐƯỜNG SỐ 17	7.000
224	ĐƯỜNG 17 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG SỐ 14	7.000
225	ĐƯỜNG 18 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 17	ĐƯỜNG SỐ 20	7.000
226	ĐƯỜNG 18A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 18	7.000
227	ĐƯỜNG 19 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	THÁI THUẬN	ĐƯỜNG SỐ 22	7.000
228	ĐƯỜNG 19A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 19	ĐƯỜNG SỐ 23	7.000
229	ĐƯỜNG SỐ 20 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 17	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
230	ĐƯỜNG SỐ 21 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 14	ĐƯỜNG SỐ 22	6.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
231	ĐƯỜNG SỐ 22 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	VŨ TÔNG PHAN	ĐƯỜNG SỐ 16	7.000
232	ĐƯỜNG SỐ 23 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 16	ĐƯỜNG SỐ 19	6.100
233	ĐƯỜNG SỐ 24 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
234	ĐƯỜNG SỐ 24A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 25	6.200
235	ĐƯỜNG SỐ 24B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 24	ĐƯỜNG SỐ 25	6.200
236	ĐƯỜNG SỐ 25 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 2	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
237	ĐƯỜNG SỐ 27 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
238	ĐƯỜNG SỐ 28 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 31C	6.200
239	ĐƯỜNG SỐ 29 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
240	CAO ĐỨC LÂN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	VÀNH ĐAI PHÍA ĐÔNG	7.000
241	ĐỖ PHÁP THUẬN	CAO ĐỨC LÂN	ĐƯỜNG SỐ 32	7.000
242	BÙI TÁ HÁN	CAO ĐỨC LÂN	CUỐI ĐƯỜNG	
243	ĐƯỜNG SỐ 31A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
244	ĐƯỜNG SỐ 31B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
245	ĐƯỜNG SỐ 31C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
246	ĐƯỜNG SỐ 31D (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	BÙI TÁ HÁN	CUỐI ĐƯỜNG	7.000
247	ĐƯỜNG SỐ 31E (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỖ PHÁP THUẬN	ĐƯỜNG SỐ 28	7.000
248	ĐƯỜNG SỐ 31F (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐỖ PHÁP THUẬN	ĐƯỜNG SỐ 28	7.000
249	ĐƯỜNG SỐ 32 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 30	6.000
250	ĐƯỜNG SỐ 33 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 34B	6.000
251	ĐƯỜNG SỐ 34 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 4A	CUỐI ĐƯỜNG	6.000
252	ĐƯỜNG SỐ 34A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 33	ĐƯỜNG SỐ 34	6.000
253	ĐƯỜNG SỐ 34B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
254	ĐƯỜNG SỐ 35 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 37	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	6.000
255	ĐƯỜNG SỐ 35A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 35	CUỐI ĐƯỜNG	6.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
256	ĐƯỜNG SỐ 36 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 31	ĐƯỜNG SỐ 35	6.000
257	ĐƯỜNG SỐ 36A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000
258	ĐƯỜNG SỐ 36B (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000
259	ĐƯỜNG SỐ 36C (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 36	ĐƯỜNG SỐ 31A	6.000
260	ĐƯỜNG SỐ 37 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 30	6.200
261	ĐƯỜNG 2, 3, 5 PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
262	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 17	2.600
		ĐƯỜNG 17	NGUYỄN VĂN GIÁP	2.400
263	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 9	2.600
		ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	2.600
264	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 17	2.200
265	ĐƯỜNG 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
266	ĐƯỜNG 10, 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	2.600
267	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	GIÁO XỨ MỸ HOÀ	2.600
268	ĐƯỜNG 13, 15, 16, 17 PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 18	2.600
269	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	GIÁO XỨ MỸ HOÀ	ĐƯỜNG 18	2.600
270	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 10	ĐƯỜNG 17	2.200
271	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 11	2.600
272	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 24	2.600
273	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 23	2.600
		ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 37	2.200
274	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 28	1.800
275	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 31	2.600
276	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 9	ĐƯỜNG 23	2.900
277	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
278	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 27	ĐƯỜNG 25	1.800
279	ĐƯỜNG 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
280	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 24	2.600
281	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	ĐƯỜNG 21	2.600
282	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	2.600
283	ĐƯỜNG 31, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 23	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
284	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 31	2.600
285	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIÊM	2.600
		KHU DÂN CƯ HIỆN HỮU	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	3.100
286	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CÔNG TY THỦ THIÊM	2.600
287	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG-13	ĐƯỜNG 17	2.400
288	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
289	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	2.600
290	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
291	ĐƯỜNG 40, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN VĂN GIÁP	NGUYỄN ĐÔN TIẾT	1.800
292	ĐƯỜNG 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT	ĐƯỜNG 42	2.100
293	ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	ĐƯỜNG 6	2.600
294	ĐƯỜNG 43, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	2.600
295	ĐƯỜNG 44, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 24	KHU 154HA	2.600
296	ĐƯỜNG 46, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 48	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
297	ĐƯỜNG 47, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 50	3.700
298	ĐƯỜNG 48, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	HÈM 37 ĐƯỜNG 49	2.600
299	ĐƯỜNG 49, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 51	3.700

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
300	ĐƯỜNG 50, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 46	ĐƯỜNG 49	2.600
301	ĐƯỜNG 53-BTĐ	ĐƯỜNG 54	ĐƯỜNG 33	3.100
302	ĐƯỜNG 54-BTĐ	ĐƯỜNG 51	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
303	ĐƯỜNG 56-BTĐ	ĐƯỜNG 51	ĐỖ XUÂN HỢP	3.100
304	ĐƯỜNG 60-BTĐ	ĐƯỜNG 59	ĐƯỜNG 56	3.100
305	ĐƯỜNG 61-BTĐ	ĐƯỜNG 53	ĐƯỜNG 56	3.100
306	ĐƯỜNG 62-BTĐ	ĐƯỜNG 51	ĐƯỜNG 56	3.100
307	ĐƯỜNG 63-BTĐ	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 51	3.100
308	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY THÁI DƯƠNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	DỰ ÁN CTY KHANG ĐIỀN	3.300
309	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THỦ THIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	DỰ ÁN TRƯỜNG TIÊU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
310	ĐƯỜNG SỐ 1 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG SỐ 8	3.300
311	ĐƯỜNG SỐ 2 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
312	ĐƯỜNG SỐ 3 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 2	3.100
313	ĐƯỜNG SỐ 4 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐƯỜNG SỐ 3	3.100
314	ĐƯỜNG SỐ 5 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 2	ĐƯỜNG 8	3.100
315	ĐƯỜNG SỐ 6 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
316	ĐƯỜNG SỐ 8 THUỘC DỰ ÁN TÂN HOÀNG MỸ, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 1	CUỐI ĐƯỜNG	3.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
317	ĐƯỜNG 51-BTĐ	DỰ ÁN CÔNG TY XÂY DỰNG NHÀ PHÚ NHUẬN	ĐỒ XUÂN HỢP	3.100
318	NGUYỄN TRUNG NGUYỆT, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 42	3.100
319	NGUYỄN VĂN GIÁP, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG	HÈM 112, ĐƯỜNG 42	3.000
		HÈM 112, ĐƯỜNG 42	ĐƯỜNG 6	3.000
		ĐƯỜNG 6	KHU DAN CƯ DỰ ÁN 154HA	3.000
320	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN VĂN GIÁP	1.800
321	ĐƯỜNG D1 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
322	ĐƯỜNG D2 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG VEN SÔNG THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
323	ĐƯỜNG D5 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
324	ĐƯỜNG V2 THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG ĐÔNG	ĐƯỜNG NỘI BỘ THUỘC DỰ ÁN CTY PHÚ NHUẬN - CTY THU THIÊM	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
325	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	2.200
326	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	BÁT NÀN	3.000
327	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	2.000
328	ĐƯỜNG 53-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	2.600
329	BÁT NÀN	TRƯƠNG VĂN BANG	LÊ HỮU KIỀU	2.000
330	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
331	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 6	2.200
332	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
333	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	NGUYỄN TƯ NGHIÊM	2.200
334	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO	ĐƯỜNG 47-BTT	ĐƯỜNG 53-BTT	2.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
335	ĐƯỜNG 47-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	2.600
336	ĐƯỜNG 48-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	2.600
337	ĐƯỜNG 49-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	2.600
338	ĐƯỜNG 50-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	2.600
339	ĐƯỜNG 51-BTT	LÊ HỮU KIỀU	NGUYỄN ĐẶNG ĐẠO	2.600
340	ĐƯỜNG 52-BTT	LÊ HỮU KIỀU	BÁT NÀN	1.800
341	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 27	2.600
342	ĐƯỜNG 8, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
343	ĐƯỜNG 13, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 14	ĐƯỜNG 39	2.200
344	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 39	2.200
		ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 30	2.200
345	ĐƯỜNG 14, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 33	2.200
346	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 39	ĐƯỜNG 42	1.800
347	ĐƯỜNG 15, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
348	ĐƯỜNG 17, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	SÔNG GIỒNG ÔNG TỐ	1.800
349	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 28	1.800
350	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
351	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG 38	1.800
352	ĐƯỜNG 22 KHU PHỐ 1, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 21	1.800
353	ĐƯỜNG 22, KHU PHỐ 4, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
354	ĐƯỜNG 23, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
355	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 34	1.800
356	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 38	1.800
357	ĐƯỜNG 29, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	KHU TUỔI TRẺ	1.800
358	ĐƯỜNG 30 PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	NGUYỄN TƯ NGHIỆM	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
359	ĐƯỜNG 31 PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	ĐƯỜNG 13	1.800
360	ĐƯỜNG 32, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI-PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
361	ĐƯỜNG 33, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13	LÊ VĂN THỊNH	1.800
362	ĐƯỜNG 34, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 5	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	1.800
363	ĐƯỜNG 35, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN TUYẾN	NGUYỄN DUY TRINH	2.000
364	ĐƯỜNG 36, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
365	ĐƯỜNG 37, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 13	ĐƯỜNG 35	1.800
366	ĐƯỜNG 38, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 1	ĐƯỜNG 19	1.800
367	ĐƯỜNG 39, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 10	LÊ VĂN THỊNH	2.200
368	ĐƯỜNG BÌNH TRUNG (PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - CÁT LÁI)	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10	2.200
369	ĐƯỜNG D10 (10M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
370	ĐƯỜNG D14 (14M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (TUỔI TRẺ)	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
371	ĐƯỜNG D16 (16M), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
372	ĐƯỜNG SỐ 2 PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY (CỦA CÔNG TY THẾ KỶ 21)	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
373	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 27	1.800
374	ĐƯỜNG SỐ 9, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
375	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	1.800
376	ĐƯỜNG SỐ 26, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.000
377	ĐƯỜNG SỐ 27, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	BÌNH TRUNG	ĐƯỜNG 8	1.800
378	ĐƯỜNG SỐ 41, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH	ĐƯỜNG 4	1.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
379	ĐƯỜNG SỐ 42, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	ĐƯỜNG 11	ĐƯỜNG 39	1.800
380	LÊ VĂN THỊNH	NGUYỄN DUY TRINH	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	2.900
381	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU GIỒNG ÔNG TÔ	CẦU XÂY DỰNG	3.300
382	NGUYỄN TƯ NGHIÊM, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	NGUYỄN DUY TRINH		2.900
383	NGUYỄN TUYẾN, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
384	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	TRỊNH KHẮC LẬP	3.300
385	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 6	3.300
386	ĐƯỜNG 4, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	TRỊNH KHẮC LẬP	2.600
387	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 3	2.200
388	ĐƯỜNG 6, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 3	ĐƯỜNG 4	3.300
389	ĐƯỜNG 7, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	LIÊN TỈNH LỘ 25B	THÍCH MẬT THÈ	2.800
390	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	3.100
391	ĐƯỜNG 18, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	RẠCH BÊN DỐC	3.100
392	ĐƯỜNG 19, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 18	2.200
393	ĐƯỜNG 20, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
394	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	3.100
395	ĐƯỜNG SỐ 22, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
396	ĐƯỜNG SỐ 23, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
397	ĐƯỜNG SỐ 24, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
398	ĐƯỜNG SỐ 25, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
399	THANH MỸ LỢI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 16	3.200
400	THÍCH MẬT THÈ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	ĐƯỜNG 16	LIÊN TỈNH LỘ 25B	3.000
401	TRỊNH KHẮC LẬP, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LIÊN TỈNH LỘ 25B	3.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
402	ĐƯỜNG 1, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	ĐƯỜNG 10	2.600
403	ĐƯỜNG 2, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
404	ĐƯỜNG 3, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CÔNG TY PETEC	2.600
405	ĐƯỜNG 5, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.600
406	ĐƯỜNG 10, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
407	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
408	ĐƯỜNG 12, 13, PHƯỜNG CÁT LÁI	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
409	ĐƯỜNG 24, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.400
410	ĐƯỜNG 25, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.400
411	ĐƯỜNG 26, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG SỐ 25	NGUYỄN ĐÓN TIẾT	2.800
412	ĐƯỜNG 28, PHƯỜNG CÁT LÁI	LÊ VĂN THỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.300
413	ĐƯỜNG SỐ 29, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ VĂN THỊNH NỐI DÀI	2.500
414	ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	LÊ ĐÌNH QUẢN	2.300
415	LÊ PHỤNG HIỆU, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGUYỄN THỊ ĐỊNH	CÁNG CÁT LÁI	3.000
416	LÊ VĂN THỊNH NỐI DÀI, PHƯỜNG CÁT LÁI	NGÃ 3 ĐƯỜNG LÊ VĂN THỊNH-ĐƯỜNG 22	ĐƯỜNG SỐ 5	2.600
417	LÊ ĐÌNH QUẢN, PHƯỜNG CÁT LÁI	ĐƯỜNG 5	ĐƯỜNG 28	2.600
418	NGUYỄN ĐÓN TIẾT	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
419	HẸM 112, ĐƯỜNG 42, PHƯỜNG BÌNH TRƯNG ĐÔNG	ĐƯỜNG 42	NGUYỄN VĂN GIÁP	3.000
420	ĐƯỜNG 52-TML	BÁT NÀN	LÊ HIẾN MAI	3.500
421	ĐƯỜNG 54-TML	TRƯƠNG VĂN BANG	ĐÔNG VĂN CỐNG	3.500
422	ĐƯỜNG 55-TML	BÁT NÀN	TẠ HIỆN	3.500
423	ĐƯỜNG 56-TML	ĐƯỜNG 52-TML	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
424	ĐƯỜNG 57-TML	ĐƯỜNG 52-TML	ĐÔNG VĂN CỐNG	3.500
425	ĐƯỜNG 58-TML	NGUYỄN VĂN KINH	ĐƯỜNG 103-TML	3.500
426	ĐƯỜNG 59-TML	TẠ HIỆN	NGUYỄN AN	3.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
427	ĐƯỜNG B2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
428	ĐƯỜNG B3 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
429	ĐƯỜNG B4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
430	ĐƯỜNG A9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
431	ĐƯỜNG C5 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
432	ĐƯỜNG C6 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
433	ĐƯỜNG C7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
434	ĐƯỜNG C8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
435	ĐƯỜNG C9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
436	ĐƯỜNG C10 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
437	ĐƯỜNG 60-TML	NGUYỄN THANH SƠN	ĐẶNG NHƯ MẠI	3.500
438	ĐƯỜNG 61-TML	ĐƯỜNG 62-TML	ĐƯỜNG 60-TML	3.500
439	ĐƯỜNG 68-TML	NGUYỄN VĂN KINH	TRƯƠNG VĂN BANG	3.500
440	ĐƯỜNG 62-TML	NGUYỄN THANH SƠN	ĐẶNG NHƯ MẠI	3.500
441	ĐƯỜNG 64-TML	NGUYỄN VĂN KINH	ĐƯỜNG 103-TML	3.500
442	ĐƯỜNG 67-TML	ĐẶNG NHƯ MẠI	PHAN BÁ VÀNH	3.300

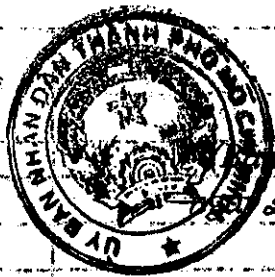
STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
443	ĐƯỜNG E4 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
444	ĐƯỜNG 69-TML	ĐĂNG NHƯ MAI	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
445	ĐƯỜNG F2 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
446	ĐƯỜNG F7 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
447	ĐƯỜNG F8 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
448	ĐƯỜNG F9 (DỰ ÁN KHU NHÀ Ở CTY HUY HOÀNG - 174HA), PHƯỜNG THANH MỸ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
449	ĐƯỜNG 39-CL	ĐƯỜNG 56	ĐƯỜNG 67	2.900
450	ĐƯỜNG 42-CL	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 44	2.900
451	ĐƯỜNG 43-CL	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 23	2.900
452	ĐƯỜNG 45-CL	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 44	2.900
453	ĐƯỜNG 46-CL	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 44	3.200
454	ĐƯỜNG 47-CL	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
455	ĐƯỜNG 49-CL	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
456	ĐƯỜNG 50-CL	ĐƯỜNG 58	ĐƯỜNG 44	2.900
457	ĐƯỜNG 51-CL	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 54	2.900
458	ĐƯỜNG 52-CL	ĐƯỜNG 61	ĐƯỜNG 44	2.900
459	ĐƯỜNG 53-CL	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
460	ĐƯỜNG 54-CL	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 44	2.900
461	ĐƯỜNG 55-CL	ĐƯỜNG 16	ĐƯỜNG 56	2.900
462	ĐƯỜNG 56-CL	ĐƯỜNG 58	ĐƯỜNG 44	2.900
463	ĐƯỜNG 57-CL	ĐƯỜNG 8	ĐƯỜNG 44	3.200
464	ĐƯỜNG 60-CL	ĐƯỜNG 49	ĐƯỜNG 69	3.200
465	ĐƯỜNG 64-CL	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 67	2.900
466	ĐƯỜNG 65-CL	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 69	2.900
467	ĐƯỜNG 66-CL	ĐƯỜNG 47	ĐƯỜNG 69	2.900
468	ĐƯỜNG 67-CL	ĐƯỜNG 35	ĐƯỜNG 45	2.900
469	ĐƯỜNG 69-CL	TRỌN ĐƯỜNG		3.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
470	ĐƯỜNG 70-CL	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 23	3.200
471	ĐƯỜNG 71-CL	ĐƯỜNG 21	ĐƯỜNG 69	3.200
472	ĐƯỜNG 16 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÀI	ĐƯỜNG 23	ĐƯỜNG 45	2.900
473	ĐƯỜNG 50 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÀI	ĐƯỜNG 41	ĐƯỜNG 45	2.900
474	ĐƯỜNG 51 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÀI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 47	2.900
475	ĐƯỜNG 55 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÀI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 57	2.900
476	ĐƯỜNG 61 (KHU TÁI ĐỊNH CƯ 50HA), PHƯỜNG CÁT LÀI	ĐƯỜNG 60	ĐƯỜNG 63	2.900
477	MAI CHÍ THỌ	HÀM SÔNG SÀI GÒN	NÚT GIAO CÁT LÀI-XA LỘ HÀ NỘI	6.000
478	ĐƯỜNG 10A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 10	ĐƯỜNG 11A	6.000
479	ĐƯỜNG SỐ 12A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 3	ĐƯỜNG SỐ 37	6.000
480	ĐƯỜNG SỐ 26 (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 30	ĐƯỜNG SỐ 31	6.200
481	ĐƯỜNG SỐ 27A (DỰ ÁN 131HA), PHƯỜNG AN PHÚ	ĐƯỜNG SỐ 27	ĐƯỜNG SỐ 26	6.200
482	ĐƯỜNG D1 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	ĐƯỜNG SỐ 16	3.900
483	ĐƯỜNG D2 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	LƯƠNG ĐỊNH CỬA	CUỐI ĐƯỜNG	3.900
484	ĐƯỜNG D3 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG D2 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM)	CUỐI ĐƯỜNG	3.700
485	ĐƯỜNG D4 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM), PHƯỜNG BÌNH AN	ĐƯỜNG D1 (DỰ ÁN KHU DÂN CƯ HIM LAM)	ĐƯỜNG D2	3.700
486	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2), PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY	LÊ VĂN THỊNH	CUỐI ĐƯỜNG	2.300
487	ĐƯỜNG SỐ 44-BTT	ĐƯỜNG SỐ 3 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	CUỐI ĐƯỜNG	2.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
488	ĐƯỜNG SỐ 45-BTT	ĐƯỜNG SỐ 2 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	ĐƯỜNG SỐ 1 (DỰ ÁN NHÀ Ở CTY TNHH 1TV DVCI Q2)	2.100
489	PHAN VĂN ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	TRƯƠNG VĂN BANG	4.000
490	NGUYỄN AN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	NGUYỄN VĂN KINH	ĐƯỜNG 103-TML	4.000
491	TRƯƠNG VĂN BANG, PHƯỜNG BÌNH TRUNG TÂY - THANH MỸ LỢI	LÊ HỮU KIỀU	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
492	NGUYỄN VĂN KINH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	BÁT NÀN	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
493	NGUYỄN THANH SƠN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 103-TML	4.000
494	LÊ HIỀN MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 103-TML	4.000
495	TẠ HIỀN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 103-TML	4.000
496	ĐẶNG NHƯ MAI, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	ĐƯỜNG 103-TML	4.000
497	NGUYỄN ĐỊA LỖ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
498	LÂM QUANG KÝ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	SỨ HÝ NHAN	4.000
499	NGUYỄN KHOA ĐĂNG, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
500	PHAN BÁ VÀNH, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA1)	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
501	NGUYỄN MỘNG TUÂN, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 174HA)	TRƯƠNG VĂN BANG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
502	TRƯƠNG GIA MÔ, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA)	ĐÔNG VĂN CÔNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
503	NGUYỄN QUANG BÁT, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ	PHẠM HÝ LƯỢNG	3.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
504	ĐÀM VĂN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ	NGUYỄN KHOA ĐĂNG	4.000
505	PHẠM THẬN DUẬT, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRƯƠNG GIA MÔ	NGUYỄN KHOA ĐĂNG	4.000
506	PHẠM CÔNG TRỨ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	NGUYỄN TRỌNG QUẢN	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
507	PHẠM HY LƯỢNG, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
508	PHẠM ĐỒN LỄ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	ĐÀM VĂN LỄ	ĐƯỜNG SỐ 1	4.000
509	NGUYỄN TRỌNG QUẢN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	PHẠM CÔNG TRỨ	CUỐI ĐƯỜNG	3.500
510	VŨ PHƯƠNG ĐỀ, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
511	QUÁCH GIAI, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	SỬ HY NHAN	CUỐI ĐƯỜNG	4.000
512	SỬ HY NHAN, PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI (DỰ ÁN 143HA - KHU 1)	TRỌN ĐƯỜNG		4.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 3

hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÀ HUYỀN THANH QUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		24.200
2	BÀN CỜ	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
3	CÁC ĐƯỜNG TRONG CU XÁ ĐỒ THÀNH			13.200
4	CÁCH MẠNG THÁNG 8	RANH QUẬN TÂN BÌNH	VÕ THỊ SÁU	22.000
		VÕ THỊ SÁU	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	30.800
5	CAO THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
6	CÔNG TRƯỜNG QUỐC TẾ	TRỌN ĐƯỜNG		39.600
7	ĐIỆN BIÊN PHỦ	NGÃ BAY	CÁCH MẠNG THÁNG 8	24.200
		CÁCH MẠNG THÁNG 8	HAI BÀ TRUNG	28.600
8	ĐOÀN CÔNG BƯU	TRỌN ĐƯỜNG		16.700
9	HAI BÀ TRUNG	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	VÕ THỊ SÁU	46.200
		VÕ THỊ SÁU	LÝ CHÍNH THẮNG	44.000
		LÝ CHÍNH THẮNG	CẦU KIỀU	31.900
10	HOÀNG SA	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
11	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
12	HUỖNH TỊNH CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
13	KỶ ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
14	LÊ NGÔ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
15	LÊ QUÝ ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		27.500
16	LÊ VĂN SỸ	CẦU LÊ VĂN SỸ	TRẦN QUANG ĐIỀU	22.000
		TRẦN QUANG ĐIỀU	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	19.800
17	LÝ CHÍNH THẮNG	RANH QUẬN 10	NAM KỶ KHÔI NGHĨA	18.700
		NAM KỶ KHÔI NGHĨA	RANH QUẬN 1	20.700
18	LÝ THÁI TÔ	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
19	NAM KỶ KHÔI NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		36.300
20	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
21	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		30.800
22	NGUYỄN GIA THIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
23	NGUYỄN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
24	NGUYỄN PHÚC NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TU	ĐẾN	
1				5
25	NGUYỄN SON HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
26	NGUYỄN THỊ DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		24.200
27	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	HAI-BÀ TRUNG	CAO THẮNG	38.500
		CAO THẮNG	NGÃ 6 NGUYỄN VĂN CÚ	33.000
28	NGUYỄN THIÊN THUẬT	NGUYỄN THỊ MINH KHAI	NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	22.000
		NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	ĐIỀN BIÊN PHÚ	19.800
29	NGUYỄN THÔNG	HỒ XUÂN HƯƠNG	KỶ ĐỒNG	22.000
		KỶ ĐỒNG	TRẦN VĂN ĐĂNG	17.600
30	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
31	NGUYỄN VĂN MAI	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
32	PASTEUR	TRẦN QUỐC TOÀN	VÕ THỊ SÁU	27.500
		VÕ THỊ SÁU	RANH QUẬN 1	35.200
33	PHẠM ĐÌNH TOÀI	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
34	PHẠM NGỌC THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		36.700
35	RACH BỪNG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
36	SU THIÊN CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
37	TRẦN CAO VĂN	TRỌN ĐƯỜNG		33.000
38	TRẦN QUANG ĐIỀU	TRẦN VĂN ĐĂNG	LÊ VĂN SỸ	16.500
		LÊ VĂN SỸ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	17.600
39	TRẦN QUỐC THẢO	VÕ VĂN TÂN	LÝ CHÍNH THẮNG	27.500
		LÝ CHÍNH THẮNG	CÁI LÊ VĂN SỸ	24.200
40	TRẦN QUỐC TOÀN	TRẦN QUỐC THẢO	NAM KỶ KHÔI NGHĨA	17.800
		NAM KỶ KHÔI NGHĨA	RANH QUẬN 1	20.500
41	TRẦN VĂN ĐĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
42	TRƯỜNG ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
43	TRƯỜNG QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		20.500
44	TRƯỜNG SÁ	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
45	TÚ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		22.000
46	VÕ THỊ SÁU	TRỌN ĐƯỜNG		26.400
47	VÕ VĂN TÂN	HỒ CON RUA	CÁCH MẠNG THÁNG 8	31.900
		CÁCH MẠNG THÁNG 8	CAO THẮNG	27.500
48	VƯỜN CHUỐI	TRỌN ĐƯỜNG		17.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**BẢNG 6****BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 4**

Thực hiện kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BẾN VÂN ĐÓN	CÙ LAO NGUYỄN KIỆU	CẦU NGUYỄN KIỆU	9.240
		CẦU NGUYỄN KIỆU	NGUYỄN KHOÁI	9.240
		NGUYỄN KHOÁI	CẦU DỪA	10.080
		CẦU DỪA	NGUYỄN TẤT THÀNH	12.120
2	ĐƯỜNG NỘI BỘ CHUNG CƯ PHƯỜNG 3			7.500
3	CÁC ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ VĨNH HỘI			7.500
4	ĐÌNH LÊ	TRỌN ĐƯỜNG		16.000
5	ĐOÀN NHƯ HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		13.500
6	ĐOÀN VĂN BƠ	CHÂN CẦU CALMET	HOÀNG DIỆU	13.500
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	11.900
		TÔN ĐẢN	XÓM CHIỀU	9.000
		XÓM CHIỀU	NGUYỄN THÂN HIẾN	4.800
7	ĐƯỜNG DÂN SINH HAI BÊN CẦU CALMETTE	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
8	ĐƯỜNG 10C	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
9	ĐƯỜNG 20 THUỐC	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
10	ĐƯỜNG DÂN SINH HAI BÊN CẦU ÔNG LÃNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
11	ĐƯỜNG PHƯỜNG 1	TRỌN ĐƯỜNG		5.200
12	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
13	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
14	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
15	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
16	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
17	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
18	ĐƯỜNG SỐ 7	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
19	ĐƯỜNG SỐ 8	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
20	ĐƯỜNG SỐ 9	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
21	ĐƯỜNG SỐ 10	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
22	ĐƯỜNG SỐ 10A	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
23	ĐƯỜNG SỐ 10B	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
24	ĐƯỜNG SỐ 11	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
25	ĐƯỜNG SỐ 12	TRỌN ĐƯỜNG		9.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
26	ĐƯỜNG SỐ 12A	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
27	ĐƯỜNG SỐ 13	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
28	ĐƯỜNG SỐ 15	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
29	ĐƯỜNG SỐ 16	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
30	ĐƯỜNG SỐ 17	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
31	ĐƯỜNG SỐ 18	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
32	ĐƯỜNG SỐ 19	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
33	ĐƯỜNG SỐ 20	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
34	ĐƯỜNG SỐ 21	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
35	ĐƯỜNG SỐ 22	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
36	ĐƯỜNG SỐ 23	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
37	ĐƯỜNG SỐ 24	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
38	ĐƯỜNG SỐ 25	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
39	ĐƯỜNG SỐ 28	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
40	ĐƯỜNG SỐ 29	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
41	ĐƯỜNG SỐ 30	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
42	ĐƯỜNG SỐ 31	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
43	ĐƯỜNG SỐ 32	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
44	ĐƯỜNG SỐ 32A	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
45	ĐƯỜNG SỐ 33	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
46	ĐƯỜNG SỐ 34	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
47	ĐƯỜNG SỐ 35	TRỌN ĐƯỜNG		4.700
48	ĐƯỜNG SỐ 36	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
49	ĐƯỜNG SỐ 37	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
50	ĐƯỜNG SỐ 38	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
51	ĐƯỜNG SỐ 39	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
52	ĐƯỜNG SỐ 40	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
53	ĐƯỜNG SỐ 42	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
54	ĐƯỜNG SỐ 43	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
55	ĐƯỜNG SỐ 44	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
56	ĐƯỜNG SỐ 45	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
57	ĐƯỜNG SỐ 46	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
58	ĐƯỜNG SỐ 47	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
59	ĐƯỜNG SỐ 48	TRỌN ĐƯỜNG		15.100
60	ĐƯỜNG SỐ 49	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
61	ĐƯỜNG SỐ 50	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
62	HOÀNG DIỆU	SÁT CẢNG SÀI GÒN	NGUYỄN TẤT THÀNH	15.000
		NGUYỄN TẤT THÀNH	ĐOÀN VĂN BƠ	20.200
		ĐOÀN VĂN BƠ	KHÁNH HỘI	20.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		KHÁNH HỘI	CUỐI ĐƯỜNG	15.000
63	KHÁNH HỘI	BẾN VÂN ĐÓN	HOÀNG DIỆU	15.800
		HOÀNG DIỆU	CẦU KINH TẾ	15.400
		CẦU KINH TẾ	TÔN THẤT THUYẾT	8.800
64	LÊ QUỐC HUNG	BẾN VÂN ĐÓN	HOÀNG DIỆU	12.400
		HOÀNG DIỆU	LÊ VĂN LINH	17.800
65	LÊ THẠCH	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
66	LÊ VĂN LINH	NGUYỄN TẤT THÀNH	LÊ QUỐC HUNG	16.500
		LÊ QUỐC HUNG	ĐOÀN VĂN BƠ	10.800
67	LÊ VĂN LINH NỐI DÀI	ĐƯỜNG 48	NGUYỄN HỮU HÀO	16.500
68	NGÔ VĂN SỞ	TRỌN ĐƯỜNG		14.100
69	NGUYỄN HỮU HÀO	BẾN VÂN ĐÓN	HOÀNG DIỆU	9.720
		HOÀNG DIỆU	CUỐI ĐƯỜNG	7.900
70	NGUYỄN KHOÁI	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
71	NGUYỄN TẤT THÀNH	CẦU KHÁNH HỘI	LÊ VĂN LINH	19.800
		LÊ VĂN LINH	XÓM CHIỂU	15.800
		XÓM CHIỂU	CẦU TÂN THUẬN	10.300
72	NGUYỄN THẦN HIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
73	NGUYỄN TRƯỜNG TỌ	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
74	TÂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.700
75	TÔN ĐẢN	TRỌN ĐƯỜNG		9.200
76	TÔN THẤT THUYẾT	NGUYỄN TẤT THÀNH	NGUYỄN THẦN HIẾN	6.800
		NGUYỄN THẦN HIẾN	XÓM CHIỂU	7.700
		XÓM CHIỂU	TÔN ĐẢN	7.400
		TÔN ĐẢN	NGUYỄN KHOÁI	8.800
		NGUYỄN KHOÁI	CUỐI ĐƯỜNG	5.700
77	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		8.400
78	VĨNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		14.400
79	VĨNH KHÁNH	BẾN VÂN ĐÓN	HOÀNG DIỆU	10.200
		HOÀNG DIỆU	TÔN ĐẢN	8.400
80	XÓM CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
81	ĐƯỜNG LÊN CẦU KINH TẾ	TÔN THẤT THUYẾT	KHÁNH HỘI	9.500

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 5

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		15.200
2	AN DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	33.000
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGÔ QUYÊN	19.800
3	AN ĐIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
4	BẠCH VÂN	VÕ VĂN KIẾT (HÀM TỬ cũ)	TRẦN TUẤN KHẢI	16.500
		TRẦN TUẤN KHẢI	AN BÌNH	14.300
5	BÀ TRIỆU	NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIẾT	16.500
		LÝ THƯỜNG KIẾT	TRIỆU QUANG PHỤC	9.400
6	BÃI SẬY	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
7	BUI HỮU NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
8	CAO ĐẠT	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
9	CHÂU VĂN LIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		28.600
10	CHIÊU ANH CÁC	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
11	CÔNG TRƯỜNG AN ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
12	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
13	ĐẶNG THÁI THÂN	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
14	ĐÀO TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
15	ĐỖ NGỌC THANH	HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG	NGUYỄN CHÍ THANH	17.600
16	ĐỖ VĂN SỪ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
17	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
18	GÒ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
19	HÀ TÔN QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
20	HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG	VÕ VĂN KIẾT (TRẦN VĂN KIỆU cũ)	CHÂU VĂN LIÊM	20.300
		CHÂU VĂN LIÊM	HỌC LẠC	25.300
21	HÔNG BÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		23.100
22	HỌC LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		18.500
23	HÙNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		23.500
24	HUỖNH MẶN ĐẠT	VÕ VĂN KIẾT (HÀM TỬ cũ)	TRẦN HÙNG ĐẠO	15.400
		TRẦN HÙNG ĐẠO	TRẦN PHÚ	18.300

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
25	KIM BIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
26	KỶ HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
27	LÃO TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
28	LÊ HỒNG PHONG	HÙNG VƯƠNG	NGUYỄN TRÃI	21.300
		NGUYỄN TRÃI	TRẦN HƯNG ĐẠO	14.300
29	LÊ QUANG ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		14.200
30	LƯƠNG NHỮ HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
31	LƯU XUÂN TÍN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
32	LÝ THƯỜNG KIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
33	MAC CỬU	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
34	MAC THIÊN TÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
35	NGHĨA THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
36	NGÔ GIA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
37	NGÔ NHÂN TỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
38	NGÔ QUYỀN	VÕ VĂN KIỆT (HÀM TỬ cũ)	TRẦN HƯNG ĐẠO	14.300
		TRẦN HƯNG ĐẠO	AN DƯƠNG VƯƠNG	18.300
		AN DƯƠNG VƯƠNG	NGUYỄN CHÍ THANH	14.300
39	NGUYỄN AN KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
40	NGUYỄN ÁN	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
41	NGUYỄN BIỂU	NGUYỄN TRÃI	CAO ĐẠT	18.000
		CAO ĐẠT	VÕ VĂN KIỆT (HÀM TỬ cũ)	15.000
42	NGUYỄN CHÍ THANH	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
43	NGUYỄN DUY DƯƠNG	NGUYỄN TRÃI	NGUYỄN CHÍ THANH	16.500
44	NGUYỄN KIM	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
45	NGUYỄN THI	TRỌN ĐƯỜNG		16.200
46	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
47	NGUYỄN THỜI TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.400
48	NGUYỄN TRÃI	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	33.000
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HỌC LẠC	24.200
		HỌC LẠC	HỒNG BÀNG	20.900
49	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	VÕ VĂN KIỆT (HÀM TỬ cũ)	TRẦN HƯNG ĐẠO	13.600
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGUYỄN CHÍ THANH	24.900
50	NGUYỄN VĂN CỬ	VÕ VĂN KIỆT (BẾN CHUÔNG DƯƠNG cũ)	TRẦN HƯNG ĐẠO	23.100
		TRẦN HƯNG ĐẠO	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỬ	26.400

ST T	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
51	NGUYỄN VĂN ĐÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
52	NHIÊU TÂM	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
53	PHẠM BÀN	TRỌN ĐƯỜNG		13.600
54	PHẠM HỮU CHÍ	NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIỆT	17.600
		TRIỆU QUANG PHÚC	THUẬN KIỀU	13.200
		THUẬN KIỀU	HÀ TÔN QUYÊN	15.400
55	PHẠM ĐÔN	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
56	PHAN HUY CHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
57	PHAN PHÚ TIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
58	PHAN VĂN KHOÉ	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
59	PHAN VĂN TRỊ	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
60	PHƯỚC HUNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.900
61	PHỐ CƠ ĐIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		13.400
62	PHỦ ĐÔNG THIÊN VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
63	PHÙNG HUNG	VÕ VĂN KIỆT (TRẦN VĂN KIỀU cũ)	TRỊNH HOÀI ĐỨC	16.500
		TRỊNH HOÀI ĐỨC	HỒNG BÀNG	18.700
64	PHÚ GIÁO	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
65	PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		15.200
66	PHÚ ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		10.700
67	SU VẠN HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
68	TÂN HẰNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
69	TÂN HUNG	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
70	TÂN THÀNH	THUẬN KIỀU	ĐỖ NGỌC THANH	15.400
		ĐỖ NGỌC THANH	TẠ UYÊN	17.600
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	15.400
71	TẶNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		15.400
72	TẠ UYÊN	HỒNG BÀNG	NGUYỄN CHÍ THANH	24.200
73	TẢN ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		20.200
74	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
75	TÓNG DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
76	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		19.800
77	TRẦN CHÁNH CHIỂU	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
78	TRẦN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
79	TRẦN HUNG ĐẠO	NGUYỄN VĂN CỬ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	30.800
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	CHÂU VĂN LIÊM	24.200
		CHÂU VĂN LIÊM	HỌC LẠC	26.400

ST T.	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
80	TRẦN NHÂN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
81	TRẦN ĐIỆN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
82	TRẦN PHÚ	TRẦN HUNG ĐẠO	NGUYỄN TRÃI	15.400
		NGUYỄN TRÃI	AN DƯƠNG VƯƠNG	19.800
		AN DƯƠNG VƯƠNG	NGÃ SÁU NGUYỄN VĂN CỪ	17.800
83	TRẦN TƯỚNG CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
84	TRẦN TUẤN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		17.000
85	VÕ VĂN KIẾT (HÀM TỬ cũ)	NGUYỄN VĂN CỪ	HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG	18.400
86	VÕ VĂN KIẾT (TRẦN VĂN KIỀU cũ)	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
87	TRẦN XUÂN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
88	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
89	TRIỆU QUANG PHỤC	TRỌN ĐƯỜNG		15.800
90	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
91	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		14.500
92	VẠN TƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		16.500
93	VÕ TRƯỞNG TOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
94	VŨ CHÍ HIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
95	XÓM CHỈ	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
96	XÓM VÔI	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
97	YẾT KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		16.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 6

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	TÂN HOÀ ĐÔNG	KINH DƯƠNG VƯƠNG	6.600
		KINH DƯƠNG VƯƠNG	LÝ CHIÊU HOÀNG	7.300
		LÝ CHIÊU HOÀNG	RANH QUẬN 8	5.100
2	BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	HÈM 76 BÀ HOM	10.560
		HÈM 76 BÀ HOM	AN DƯƠNG VƯƠNG	7.920
3	BÀ KÝ	TRỌN ĐƯỜNG		5.700
4	BÀ LÀI	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
5	BÃI SẬY	NGÔ NHÂN TỊNH	BÌNH TIÊN	10.200
		BÌNH TIÊN	LÒ GÓM	8.800
6	BÊN LÒ GÓM	BÊN PHÚ LÂM	BÀ LÀI	6.100
		BÀ LÀI	VÕ VĂN KIẾT	3.600
7	BÊN PHÚ LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
8	BÌNH PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.000
9	BÌNH TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
10	BÌNH TIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		12.300
11	BỮU ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.100
12	CAO VĂN LẬU	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	12.500
		BÃI SẬY	VÕ VĂN KIẾT	11.700
13	CHỢ LỚN	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
14	CHU VĂN AN	LÊ QUANG SUNG	BÃI SẬY	16.700
		BÃI SẬY	TRẦN VĂN KIỂU	11.400
15	ĐẶNG NGUYỄN CÂN	TÂN HOÁ	TÂN HOÀ ĐÔNG	7.800
		TÂN HOÀ ĐÔNG	BÀ HOM	10.100
		BÀ HOM	KINH DƯƠNG VƯƠNG	9.000
16	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ ĐÀI RAĐA	PHƯỜNG 13		5.100
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM A	PHƯỜNG 12		5.100
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM B	PHƯỜNG 13		5.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ CƯ XÁ PHÚ LÂM D	PHƯỜNG 10		5.100
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU PHỐ CHỢ PHÚ LÂM	PHƯỜNG 13, 14		5.100
21	ĐƯỜNG SỐ 10	PHƯỜNG 13		4.800
22	ĐƯỜNG SỐ 11	PHƯỜNG 13		5.700
23	GIA PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
24	HẬU GIANG	PHẠM ĐÌNH HỒ	MINH PHỤNG	17.100
		MINH PHỤNG	NGUYỄN VĂN LUÔNG	13.200
		NGUYỄN VĂN LUÔNG	MŨI TÀU	10.800
25	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	CẦU PHÚ LÂM	15.400
		CẦU PHÚ LÂM	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	14.300
26	HOÀNG LÊ KHA	TRỌN ĐƯỜNG		5.900
27	KINH DƯƠNG VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
28	LÊ QUANG SUNG	NGÕ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	15.600
		MAI XUÂN THƯỜNG	MINH PHỤNG	10.200
		MINH PHỤNG	LÒ GÓM	7.800
29	LÊ TÂN KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
30	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		9.400
31	LÊ TUẤN MẬU	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
32	LÝ CHIẾU HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
33	MAI XUÂN THƯỜNG	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOẺ	12.200
		PHAN VĂN KHOẺ	VÕ VĂN KIẾT	10.500
34	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		14.400
35	NGÕ NHÂN TỊNH	LÊ QUANG SUNG	PHAN VĂN KHOẺ	15.000
		PHAN VĂN KHOẺ	VÕ VĂN KIẾT	14.900
36	NGUYỄN HỮU THẬN	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
37	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
38	NGUYỄN ĐÌNH CHI	TRỌN ĐƯỜNG		6.700
39	NGUYỄN PHẠM TUÂN	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
40	NGUYỄN THỊ NHỎ	TRỌN ĐƯỜNG		15.000
41	NGUYỄN VĂN LUÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	HẬU GIANG	15.840
		HẬU GIANG	CẦU BÀ LÀI	13.200
		CẦU BÀ LÀI	LÝ CHIẾU HOÀNG	8.760
42	NGUYỄN XUÂN PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		15.600
43	PHẠM ĐÌNH HỒ	HỒNG BÀNG	BÃI SẬY	16.500
		BÃI SẬY	PHẠM VĂN CHÍ	11.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
44	PHẠM PHÚ THỨ	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
45	PHẠM VĂN CHÍ	BÌNH TÂY	BÌNH TIỀN	12.600
		BÌNH TIỀN	LÒ GÓM	9.000
46	PHAN ANH	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
47	PHAN VĂN KHOẺ	NGÕ NHÂN TỊNH	MAI XUÂN THƯỜNG	14.400
		MAI XUÂN THƯỜNG	BÌNH TIỀN	10.000
		BÌNH TIỀN	LÒ GÓM	8.800
48	TÂN HOÀ ĐÔNG	VÒNG XOAY PHÚ LÂM	ĐẶNG NGUYỄN CĂN	7.800
		ĐẶNG NGUYỄN CĂN	AN DƯƠNG VƯƠNG	6.300
49	TÂN HOÁ	HÔNG BÀNG	ĐẶNG NGUYỄN CĂN	8.760
		ĐẶNG NGUYỄN CĂN	CẦU TÂN HOÁ	7.920
50	THÁP MƯỜI	TRỌN ĐƯỜNG		21.800
51	TRẦN BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		18.200
52	TRẦN TRUNG LẬP	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
53	VÕ VĂN KIẾT	NGÕ NHÂN TỊNH (P.1)	CẦU LÒ GÓM (P.7)	16.000
		CẦU LÒ GÓM (P.7)	RẠCH NHẢY (P.10)	11.700
54	TRANG TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		13.100
55	VĂN THÂN	BÌNH TIỀN	BÀ LÀI	9.240
		BÀ LÀI	LÒ GÓM	5.900
56	TRẦN VĂN KIỂU (ĐƯỜNG SỐ 11 KDC BÌNH PHÚ)	HẬU GIANG	LÝ CHIÊU HOÀNG	9.000
		LÝ CHIÊU HOÀNG	VÀNH ĐAI	8.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 7

(Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÊ VĂN CẨM	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
2	BẾN NGHÉ	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
3	BÙI VĂN BA	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
4	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ NGÂN HÀNG			4.400
5	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ TÂN QUY ĐÔNG			4.400
6	CHUYÊN DỪNG 9	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
7	ĐÀO TRÍ	NGUYỄN VĂN QUÝ	GÒ Ô MÔI	1.800
		GÒ Ô MÔI	HOÀNG QUỐC VIỆT	1.800
		HOÀNG QUỐC VIỆT	TRƯỜNG HẠNG GIANG	1.800
8	ĐƯỜNG SỐ 5 (HÈM BỜ TUA 2)	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
9	ĐƯỜNG SỐ 10			5.500
10	ĐƯỜNG 17	ĐƯỜNG SỐ 10	MAI VĂN VĨNH	4.400
		ĐƯỜNG SỐ 6	ĐƯỜNG SỐ 10	4.400
11	ĐƯỜNG 17 (PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY)	TÂN MỸ	LÂM VĂN BIÊN	4.400
12	ĐƯỜNG 15B (PHƯỜNG PHÚ MỸ)	PHẠM HỮU LÂU	SÔNG PHÚ XUÂN	3.300
13	ĐƯỜNG 60, 62 LÂM VĂN BÈN (PHƯỜNG TÂN KIẾNG)	LÂM VĂN BÈN	CUỐI TRƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ	4.400
14	ĐƯỜNG 67			5.500
15	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	CẦU TÂN THUẬN 2	NGUYỄN VĂN LINH	6.200
16	ĐƯỜNG NHÁNH CẦU TÂN THUẬN 2	TRẦN XUÂN SOẠN	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	5.500
17	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN AN HUY			3.700
18	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN QUY ĐÔNG			
	ĐƯỜNG >= 16M			4.400
	ĐƯỜNG < 16M			3.700
19	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VEN SÔNG			

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIA
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		5
	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN LĨNH			6.200
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq 16M$			4.400
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $< 16M$			3.700
20	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU NHÀ Ở TÂN PHONG			
	ĐƯỜNG SONG HÀNH VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			5.500
	ĐƯỜNG NỘI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU THỌ			4.400
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI $\leq 12M$			3.700
21	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VẠN PHÁT HUNG			
	ĐƯỜNG HOÀNG QUỐC VIỆT NỘI DÀI			5.500
	ĐƯỜNG $\geq 16M$			4.400
	ĐƯỜNG $< 16M$			3.700
22	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CTY XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH NHÀ CHỢ LỚN (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq 16M$			3.100
	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $< 16M$			2.600
23	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂN THUẬN			4.000
24	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ			3.300
25	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU CƯ XÁ NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG			3.300
26	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CẢNG BẾN NGHÉ			4.000
27	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG			4.000
28	ĐƯỜNG NỘI LÊ VĂN LƯƠNG VỚI NGUYỄN HỮU THỌ	NGUYỄN HỮU THỌ	LÊ VĂN LƯƠNG	6.600
29	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY VẠN PHÁT HUNG ĐẦU TƯ)	TRỌN ĐƯỜNG		3.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
30	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY TTNT ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
31	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ (CỦA CTY TTNT ĐẦU TƯ (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			2.600
32	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ (CỦA CTY VẠN PHÁT HƯNG ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			2.600
33	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU QUY HOẠCH TÂN HƯNG (KIỀU ĐÀM NI TỰ)			5.500
34	ĐƯỜNG NHÁNH NỘI BỘ KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ TÂN HƯNG (KIỀU ĐÀM NI TỰ)			3.300
35	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU DÂN CƯ (CỦA CÔNG TY NAM LONG ĐẦU TƯ)			3.700
36	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ (CỦA CÔNG TY NAM LONG ĐẦU TƯ) (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			3.300
37	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH TRONG KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			5.500
38	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN MỸ			4.400
39	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1			5.500
40	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 < 16M			3.700
41	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU ĐỊNH CƯ SỐ 1 ≥ 16M			4.400
42	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ	NGUYỄN VĂN QUÝ	KHU DÂN CƯ BỘ NỘI VỤ	3.300
43	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU TÁI ĐỊNH CƯ TÂN HƯNG			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
44	PHÚ THUẬN (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	ĐÀO TRÍ	HUỖNH TÂN PHÁT	3.700
		HUỖNH TÂN PHÁT	TÂN PHÚ	4.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
45	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN THÀNH LẬP (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
46	ĐƯỜNG VÀO CHỢ GÒ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
47	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ LÊ HOÀI ANH (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
48	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN TRƯỜNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
49	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ ĐÀO CHIẾN THẮNG (PHƯỜNG PHÚ THUẬN)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
50	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ PHÚ MỸ (PHƯỜNG PHÚ MỸ)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
51	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NAM LONG (PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
52	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ VÕ VĂN THOM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
53	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
54	ĐƯỜNG KHU DÂN CƯ CÔNG TY SAVIMEX (PHÚ THUẬN)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH			3.700
	ĐƯỜNG NHÁNH			3.300
55	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ HIM LAM (PHƯỜNG TÂN HƯNG)			
	ĐƯỜNG SỐ 1			8.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
	NGUYỄN THỊ THẬP NỐI DÀI			9.900
	ĐƯỜNG CÓ LỘ GIỚI $\geq 16M$			6.200
	ĐƯỜNG CÓ LỘ GIỚI $< 16M$			5.500
56	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY TNHH PHƯƠNG NAM (PHƯỜNG TÂN PHÚ)			
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
57	GÒ Ô MÔI	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
58	HOÀNG QUỐC VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
59	HUỖNH TÁN PHÁT	CẦU TÂN THUẬN	NGUYỄN THỊ THẬP	8.400
		NGUYỄN THỊ THẬP	CẦU PHỦ XUÂN	6.200
60	LÂM VĂN BÈN	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
61	LÊ VĂN LƯƠNG	TRẦN XUÂN SOẠN	CẦU RẠCH BÀNG	6.600
		CẦU RẠCH BÀNG	CẦU RẠCH ĐĨA	5.500
62	LƯU TRỌNG LƯ	HUỖNH TÁN PHÁT	KHO 18	5.500
63	LÝ PHỤC MAN	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
64	MAI VĂN VĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
65	NGUYỄN HỮU THỌ	CẦU KÊNH TÊ	BỜ SÔNG RẠCH ĐĨA	8.400
66	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
67	NGUYỄN VĂN LINH	HUỖNH TÁN PHÁT	RẠCH THẦY TIÊU	7.700
		RẠCH THẦY TIÊU	LÊ VĂN LƯƠNG	13.200
		LÊ VĂN LƯƠNG	RẠCH ÔNG LỚN	7.700
68	NGUYỄN VĂN QUỲ	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
69	PHẠM HỮU LÂU	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
70	PHAN HUY THỰC	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
71	TÂN MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
72	TÂN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
73	TRẦN TRỌNG CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
74	TRẦN VĂN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
75	TRẦN XUÂN SOẠN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
	CÁC TUYẾN ĐƯỜNG KHU ĐÔ THỊ NAM THANH PHỐ			
76	BERTRAND RUSSELL (CR.2102+C22102)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
77	BUI BÀNG ĐOÀN (BẮC PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
78	CAO TRIỀU PHÁT (R.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
79	ĐẶNG ĐẠI ĐỘ (R.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
80	ĐẶNG ĐỨC THUẬT (H.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
81	ĐỖ ĐỐC TUYẾT (CN.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
82	ĐƯỜNG 10	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
83	ĐƯỜNG 15	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
84	ĐƯỜNG 16	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
85	ĐƯỜNG 17	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
86	ĐƯỜNG 18	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
87	ĐƯỜNG 19	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
88	ĐƯỜNG 2	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
89	ĐƯỜNG 20	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
90	ĐƯỜNG 21	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
91	ĐƯỜNG 22	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
92	ĐƯỜNG 23	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
93	ĐƯỜNG 6	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
94	ĐƯỜNG B	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	9.900
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	7.900
95	ĐƯỜNG C	HOÀNG VĂN THÁI	RẠCH CẢ CẨM	12.100
		RẠCH CẢ CẨM	ĐƯỜNG 23	9.900
96	ĐƯỜNG D	HOÀNG VĂN THÁI	TRẦN VĂN TRÀ	9.900
		ĐƯỜNG 15	ĐƯỜNG 16	7.900
97	ĐƯỜNG G	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
98	ĐƯỜNG N	TRẦN VĂN TRÀ	TÔN DẠT TIỀN	9.900
		NGUYỄN VĂN LINH	NGUYỄN ĐÔNG CHI	12.100
99	ĐƯỜNG O	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
100	ĐƯỜNG P	NGUYỄN VĂN LINH	HÀ HUY TẬP	12.100
		ĐƯỜNG 10	TRẦN VĂN TRÀ	12.100
101	ĐƯỜNG U	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
102	HÀ HUY TẬP (H.2102)	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
103	HOÀNG VĂN THÁI (CR.2101+C.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
104	HUNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
105	LÊ VĂN THÊM (R.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
106	LUTHER KING (CR.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
107	LÝ LONG TƯỜNG (H.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
108	MORISON (CR.2103+C.2103)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
109	NGUYỄN BÌNH (H.2109)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
110	NGUYỄN CAO (R.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
111	NGUYỄN ĐỨC CẢNH (NAM PARK WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
112	NGUYỄN ĐỒNG CHI	RẠCH KÍCH	PHAN VĂN NGHỊ	11.000
		PHAN VĂN NGHỊ	ĐƯỜNG N (BẮC)	12.100
		ĐƯỜNG N (BẮC)	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG	11.000
113	NGUYỄN KHẮC VIỆN (C.2105)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
114	NGUYỄN LƯƠNG BĂNG (BROAD WAY)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
115	NGUYỄN PHAN CHÁNH (H.2106)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
116	PHẠM THÁI BỪNG (H.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
117	PHẠM THIỀU (CR.2104+C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
118	PHẠM VĂN NGHỊ (H.2108)	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
119	PHAN KHIÊM ÍCH (R.2101)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
120	PHAN VĂN CHƯƠNG (R.2107)	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
121	PHỐ TIÊU BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
122	PHỐ TIÊU ĐÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
123	PHỐ TIÊU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
124	RAYMONDIENNE (C.2104)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
125	TÂN PHÚ (C.2109)	NGUYỄN VĂN LINH	CẦU CẢ CẨM 1	12.100
		CẦU CẢ CẨM 1	ĐƯỜNG 23	11.000
126	TÂN TRÀO (MARKET STREET)	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
127	TÔN DẬT TIỀN (CR.2105)	NGUYỄN VĂN LINH	TRẦN VĂN TRÁ	11.000
128	TRẦN VĂN TRÁ (C.2401+C.2404 ROY RIVER DRIVE)	TÂN PHÚ	PHAN VĂN CHƯƠNG	11.000
		ĐỖ ĐỐC TUYẾT	TÔN DẬT TIỀN	9.900

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 8

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	AN DƯƠNG VƯƠNG	CÁNG PHÚ ĐÌNH	CẦU MỸ THUẬN	5.100
2	ÂU DƯƠNG LÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
3	BA ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.900
4	BẾN CÀN GIUỘC	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
5	BẾN PHÚ ĐÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
6	BẾN XÓM CÚI	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
7	BẾN Ụ CÂY	CẦU CHÁNH HUNG	CẦU PHÁT TRIỂN	2.400
8	BÌNH ĐÔNG	CUỐI ĐƯỜNG (PHƯỜNG 11)	CẦU CHÀ VÀ	4.900
		CẦU CHÀ VÀ	CẦU SỐ 1	7.300
		CẦU SỐ 1	CẦU VĨNH MẠU	3.600
9	BÌNH ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
10	BÔNG SAO	PHẠM THẾ HIỂN	BÙI MINH TRỰC	3.500
		BÙI MINH TRỰC	TẠ QUANG BỬU	3.600
11	BÙI HUY BÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
12	BÙI MINH TRỰC	BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	5.600
		QUỐC LỘ 50	CUỐI ĐƯỜNG	5.300
13	CÂY SUNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.500
14	CAO LỖ	PHẠM THẾ HIỂN	CUỐI ĐƯỜNG	5.700
15	CAO XUÂN DỤC	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
16	CÁC ĐƯỜNG LỖ TRONG KHU DÂN CƯ PHƯỜNG 9, 10	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
17	CÁC ĐƯỜNG SỐ CHẴN PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
18	CÁC ĐƯỜNG SỐ LẺ PHƯỜNG 4, 5	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
19	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI BẢO THANH NIÊN PHƯỜNG 1	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		4.800
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		4.200
20	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MỚI PHƯỜNG 4	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		4.800
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		4.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
21	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MŨI PHƯỜNG 5	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		5.500
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		4.600
22	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MŨI PHƯỜNG 6	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		5.500
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		4.600
23	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MŨI PHƯỜNG 7	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		4.000
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		3.300
24	CÁC ĐƯỜNG TRONG KHU DÂN CƯ MŨI PHƯỜNG 16	ĐƯỜNG LỘ GIỚI $\geq$ 12M		3.300
		ĐƯỜNG LỘ GIỚI $<$ 12M		2.800
25	DẠ NAM	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
26	DÃ TƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
27	DUƠNG BÁ TRẠC	PHẠM THẾ HIẾN	CẦU SÔNG XÁNG	13.000
		TRƯỜNG RẠCH ÔNG	CÁNG PHƯỜNG 1	7.900
28	ĐẶNG CHẤT	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
29	ĐÀO CAM MỘC	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
30	ĐẠI LỘ VÕ VĂN KIẾT (ĐẠI LỘ ĐÔNG TÂY cũ)	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
31	ĐÌNH AN TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
32	ĐÌNH HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
33	ĐÔNG HỒ (ĐƯỜNG SỐ 11)	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
34	ĐƯỜNG 1011 PHẠM THẾ HIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
35	ĐƯỜNG 1107 PHẠM THẾ HIẾN (ĐỌC RẠCH HIỆP AN)	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
36	ĐƯỜNG 41 - PHÚ ĐỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
37	ĐƯỜNG 44 - TRƯỜNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
38	ĐƯỜNG NỎI PHẠM THẾ HIẾN-BATO	TRỌN ĐƯỜNG		4.100
39	ĐƯỜNG SỐ 111 (P9)	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
40	ĐƯỜNG VÀO KHU DÂN CƯ PHÚ LỢI			4.100
41	ĐƯỜNG VEN SÔNG XÁNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
42	HỒ HỌC LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
43	HOÀNG MINH ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
44	HÙNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
45	HOÀI THANH	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
46	HOÀNG ĐẠO THUY	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
47	HOÀNG SĨ KHẢI	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
48	HUỲNH THỊ PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
49	LÊ QUANG KIM	TRỌN ĐƯỜNG		3.800
50	LÊ THÀNH PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
51	LƯƠNG NGỌC QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
52	LƯƠNG VĂN CAN	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
53	LƯU HỮU PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
54	LƯU QUÝ KỲ	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
55	LÝ ĐẠO THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
56	MẠC VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
57	MAI HẮC ĐỀ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
58	MAI AM	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
59	MỄ CỐC	TRỌN ĐƯỜNG		3.100
60	NGÔ SĨ LIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
61	NGUYỄN CHẾ NGHĨA	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
62	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		4.800
63	NGUYỄN NGỌC CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
64	NGUYỄN NHƯỢC THỊ	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
65	NGUYỄN QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
66	NGUYỄN SĨ CỎ	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
67	NGUYỄN THỊ THẬP	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
68	NGUYỄN THỊ TÀN	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
69	NGUYỄN VĂN CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
70	NGUYỄN VĂN LINH	ĐOẠN QUẬN 8		8.400
71	PHẠM HÙNG (P4)	PHẠM THẾ HIÊN	CHÂN CẦU CHÁNH HUNG	8.800
		CHÂN CẦU CHÁNH HUNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	13.000
72	PHẠM HÙNG (P9)	BA ĐÌNH	HUNG PHÚ	8.800
		HUNG PHÚ	NGUYỄN DUY	4.200
73	PHẠM THẾ HIÊN	CẦU RẠCH ÔNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	8.400
		CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	CẦU BÀ TÀNG	6.200
		CẦU BÀ TÀNG	CUỐI ĐƯỜNG	4.300
74	PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
75	QUỐC LỘ 50	PHẠM THẾ HIÊN	CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	4.900
		CHÂN CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG	RANH HUYỆN BÌNH CHÁNH	9.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
76	RẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		2.800
77	RẠCH CỪNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
78	RẠCH LÔNG ĐÈN	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
79	TÀ QUANG BƯU	CẢNG PHƯỚC 1	DƯƠNG BÁ TRẠC	6.800
		DƯƠNG BÁ TRẠC	ÂU DƯƠNG LÂN	6.800
		ÂU DƯƠNG LÂN	PHẠM HÙNG	6.800
		PHẠM HÙNG	BÔNG SAO	8.100
		BÔNG SAO	QUỐC LỘ 50	7.500
		QUỐC LỘ 50	RẠCH BÀ TÀNG	7.500
80	TRẦN NGUYỄN HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		6.100
81	TRẦN VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		4.600
82	TRỊNH QUANG NGHỊ	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
83	TRƯƠNG ĐÌNH HỘI	TRỌN ĐƯỜNG		3.600
84	TÙNG THIÊN VƯƠNG	CẦU NHỊ THIÊN ĐƯỜNG (2 BÊN HÔNG CẦU)	NGUYỄN VĂN CỬA	7.900
		NGUYỄN VĂN CỬA	ĐÌNH HOÀ	11.000
		ĐÌNH HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	9.900
85	TUY LÝ VƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
86	ƯU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
87	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
88	VĨNH NAM	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
89	VỠ TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		5.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 9

hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÙI QUỐC KHÁI	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
2	BỤNG ÔNG THOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
3	CẦU ĐÌNH	GIAO ĐƯỜNG LONG PHƯỚC	SÔNG ĐỒNG NAI	1.200
4	CẦU XÂY	ĐẦU TUYẾN (HOÀNG HỮU NAM)	CUỐI TUYẾN NAM CAO	1.400
5	CẦU XÂY 2	ĐẦU TUYẾN NAM CAO	CUỐI TUYẾN (CẦU XÂY 1)	1.400
6	DÂN CHỦ, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	HAI BÀ TRUNG	ĐƯỜNG VÀO NHÀ MÁY BỘT GIẶT VISO	3.300
7	ĐƯƠNG ĐÌNH HỘI	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 3 BỤNG ÔNG THOÀN	1.700
8	ĐẠI LỘ 2, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
9	ĐẠI LỘ 3, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		3.000
10	ĐÌNH PHONG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
11	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 4 BÌNH THÁI	CẦU NĂM LÝ	3.500
		CẦU NĂM LÝ	NGUYỄN DUY TRINH	2.900
12	ĐƯỜNG 100, PHƯỜNG TÂN PHÚ	CẦU XÂY 1	ĐƯỜNG 671	1.200
13	ĐƯỜNG 100, ẤP TÂN NHƠN, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1A	CÔNG 1 SUỐI TIỀN	3.600
		CÔNG 1 SUỐI TIỀN	NAM CAO	1.800
14	ĐƯỜNG 109, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
15	ĐƯỜNG 11	NGUYỄN VĂN TĂNG	HÀNG TRE	1.200
16	ĐƯỜNG 11, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRƯƠNG VĂN HẢI	ĐƯỜNG 8	1.200
17	ĐƯỜNG 12, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	QUANG TRUNG	ĐƯỜNG 11	1.200
18	ĐƯỜNG 1-20, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
19	ĐƯỜNG 120, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
20	ĐƯỜNG 138, PHƯỜNG TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
21	ĐƯỜNG 144, PHƯỜNG TÂN PHÚ	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG 138	1.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		5
22	ĐƯỜNG 147, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
23	ĐƯỜNG 15	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
24	ĐƯỜNG 16, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.600
25	ĐƯỜNG 160, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÃ XUÂN OAI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
26	ĐƯỜNG 179, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TÁI ĐỊNH CƯ CẦU XÂY	1.800
27	ĐƯỜNG 185, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
28	ĐƯỜNG 18A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 6A	ĐƯỜNG SỐ 9	1.800
29	ĐƯỜNG 18B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐẠI LỘ 2	ĐƯỜNG SỐ 6D	1.800
30	ĐƯỜNG 197, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.800
31	ĐƯỜNG 21, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
32	ĐƯỜNG 215, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.800
33	ĐƯỜNG 22, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		2.300
34	ĐƯỜNG 22-25, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
35	ĐƯỜNG 23	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
36	ĐƯỜNG 24	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
37	ĐƯỜNG 245, PHƯỜNG TÂN PHÚ	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG	1.800
38	ĐƯỜNG 29	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
39	ĐƯỜNG 297, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
40	ĐƯỜNG 339, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
41	ĐƯỜNG 359, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	DƯƠNG ĐÌNH HỘI	1.500
42	ĐƯỜNG 400, PHƯỜNG TÂN PHÚ	QUỐC LỘ 1A	HOÀNG HỮU NAM	1.800
43	ĐƯỜNG 442, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT	LÃ XUÂN OAI	1.200
44	ĐƯỜNG 475, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
45	ĐƯỜNG 61, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	ĐỖ XUÂN HỢP	NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	1.500
		NGÃ 4 ĐƯỜNG 79	TĂNG NHƠN PHÚ	1.900

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
46	ĐƯỜNG 671, PHƯỜNG TÂN PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG 100	1.800
47	ĐƯỜNG 6A, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG SỐ 18	ĐƯỜNG 18B	1.800
48	ĐƯỜNG 6B, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	1.800
49	ĐƯỜNG 6C, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG 18B	1.800
50	ĐƯỜNG 6D, PHƯỜNG PHƯỚC BÌNH	ĐƯỜNG 18A	ĐƯỜNG SỐ 21	1.800
51	ĐƯỜNG 79, PHƯỜNG PHƯỚC LONG B	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
52	ĐƯỜNG 990 (GÒ TRĂNG)	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
53	ĐƯỜNG LÀNG TĂNG PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
54	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG PHÚ HỮU	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
55	ĐƯỜNG NHÀ THIẾU NHI	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYỀN	3.500
56	ĐƯỜNG SỐ 1, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
57	ĐƯỜNG SỐ 11, PHƯỜNG LONG BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
58	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG BÌNH	LONG SƠN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
59	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
60	ĐƯỜNG SỐ 12, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	TAM ĐA	SÔNG TẮC	1.300
61	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	ĐƯỜNG SỐ 11	1.200
62	ĐƯỜNG SỐ 13, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
63	ĐƯỜNG SỐ 14, PHƯỜNG LONG BÌNH	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
64	ĐƯỜNG SỐ 15, PHƯỜNG LONG BÌNH	XA LỘ HÀ NỘI	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
65	ĐƯỜNG SỐ 154, TÂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
66	ĐƯỜNG SỐ 16, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	NGUYỄN VĂN TĂNG	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
67	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
68	ĐƯỜNG SỐ 2, PHƯỜNG TĂNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
69	ĐƯỜNG SỐ 20, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
70	ĐƯỜNG SỐ 207, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	2.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
71	ĐƯỜNG SỐ 236, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	NGÃ 3 TRƯỜNG VĂN THÀNH	ĐÌNH TẮNG PHÚ	1.200
72	ĐƯỜNG SỐ 265, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	MAN THIÊN	3.100
73	ĐƯỜNG SỐ 275, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	3.100
74	ĐƯỜNG SỐ 311, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	ĐƯỜNG SỐ 265	2.200
75	ĐƯỜNG SỐ 379, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
76	ĐƯỜNG SỐ 385, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ A	LÊ VĂN VIỆT (ĐOẠN II)	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
77	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
78	ĐƯỜNG SỐ 5, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
79	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG BÌNH	NGUYỄN XIÊN	SÔNG ĐỒNG NAI	1.200
80	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
81	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	1.300
82	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	DỰ ÁN ĐỒNG TẮNG LONG	1.200
83	ĐƯỜNG SỐ 6, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
84	ĐƯỜNG SỐ 68, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	NGÔ QUYÊN	2.900
85	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG LONG THANH MỸ	HOÀNG HỮU NAM	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
86	ĐƯỜNG SỐ 7, PHƯỜNG TRƯỜNG THANH	LÒ LU	CUỐI ĐƯỜNG	1.300
87	ĐƯỜNG SỐ 8	NGUYỄN VĂN TẮNG	HÀNG TRE	1.200
88	ĐƯỜNG SỐ 8, PHƯỜNG TẮNG NHƠN PHÚ B	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
89	ĐƯỜNG SỐ 85, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	TÂN LẬP I	2.400
90	ĐƯỜNG SỐ 904, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	QUỐC LỘ 22	TÂN HOÀ II	3.100
91	ĐƯỜNG TỔ 1 ẤP LONG HÒA	NGUYỄN XIÊN	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
92	GÒ CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
93	GÒ NỎI	TRỌN ĐƯỜNG		1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
94	HAI BÀ TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.500
95	HÀNG TRE	LÊ VĂN VIỆT	CUỐI ĐƯỜNG	1.200
96	HỒ BÁ PHẤN	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
97	HOÀNG HỮU NAM	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
98	HỒNG SÊN	ĐẦU TUYẾN (BÙI QUỐC KHÁI)	CUỐI ĐƯỜNG (ĐƯỜNG 24)	1.200
99	HUỲNH THỨC KHÁNG	NGÔ QUYÊN	KHÔNG TỬ	2.600
100	ÍCH THANH	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
101	KHÔNG TỬ	HAI BÀ TRUNG	NGÔ QUYÊN	3.100
102	LÃ XUÂN OAI	NGÃ 3 LÊ VĂN VIỆT (LÃ XUÂN OAI)	NGÃ 3 LONG TRƯỜNG	3.100
103	LÊ LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		4.000
104	LÊ VĂN VIỆT	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	8.400
		NGÃ 3 LÃ XUÂN OAI	CẦU BẾN NỌC	6.200
		CẦU BẾN NỌC	NGÃ 3 MỸ THÀNH	3.600
105	LÒ LU	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
106	LONG PHƯỚC	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
107	LONG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
108	LONG THUẬN	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
109	MẠC HIẾN TÍCH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
110	MAN THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
111	NAM CAO	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
112	NAM HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
113	NGÔ QUYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
114	NGUYỄN CÔNG TRỨ	HAI BÀ TRUNG	TRẦN HUNG ĐẠO	2.200
115	NGUYỄN DUY TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		2.100
116	NGUYỄN THÁI HỌC	HAI BÀ TRUNG	TRẦN QUỐC TOÀN	2.200
117	NGUYỄN VĂN TĂNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
118	NGUYỄN VĂN THANH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
119	NGUYỄN XIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
120	PHAN CHU TRINH	TRỌN ĐƯỜNG		2.900
121	PHAN ĐẠT ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
122	PHAN ĐÌNH PHÙNG	KHÔNG TỬ	LÊ LỢI	2.200
123	PHƯỚC THIÊN	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
124	QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
125	QUANG TRUNG (NỘI DÀI)	ĐƯỜNG 12	CUỐI TUYẾN	2.200
126	TAM ĐA	NGUYỄN DUY TRINH	CẦU HAI TỶ	1.300
		CẦU HAI TỶ	RẠCH MƯƠNG	1.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		RẠCH MUÔNG	SÔNG TẮC	1.200
127	TÂN HOA II	TRƯƠNG VĂN THÀNH	MAN THIÊN	2.100
128	TÂN LẬP I, PHƯỜNG HIỆP PHÚ	LÊ VĂN VIỆT	QUỐC LỘ 50	2.900
129	TÂN LẬP II	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
130	TĂNG NHON PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		1.800
131	TÂY HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		4.400
132	TRẦN HƯNG ĐẠO	TRỌN ĐƯỜNG		3.300
133	TRẦN QUỐC TOẢN	KHÔNG TỪ	LÊ LỢI	2.200
134	TRẦN TRỌNG KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
135	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		2.600
136	TRƯƠNG HẠNH	TRỌN ĐƯỜNG		1.200
137	TRƯỜNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		1.300
138	TRƯƠNG VĂN HẢI	TRỌN ĐƯỜNG		1.900
139	TRƯƠNG VĂN THÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.200
140	TỬ XƯƠNG	PHAN CHU TRINH	CUỐI ĐƯỜNG	2.200
141	VÕ VĂN HÁT	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
142	XA LỘ HÀ NỘI	CẦU RẠCH CHIẾC	NGÃ 4 THỦ ĐỨC	4.400
		NGÃ 4 THỦ ĐỨC	NGHĨA TRANG LIỆT SĨ	3.300

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 10

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÀ HẠT	NGÕ GIA TỰ	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	13.200
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGUYỄN KIM	14.300
2	BA VÌ	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
3	BẠCH MÃ	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
4	BỮU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
5	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	ĐỒNG NAI	8.800
	BẮC HẢI (NỐI DÀI)	ĐỒNG NAI	LÝ THƯỜNG KIỆT	10.100
6	CAO THĂNG	ĐIÊN BIÊN PHỦ	ĐƯỜNG 3/2	19.800
		ĐƯỜNG 3/2	HOÀNG DŨ KHƯƠNG	17.600
7	NGUYỄN GIẢN THANH			7.500
8	CÁCH MẠNG THÁNG 8	VÕ THỊ SÁU	GIÁP RANH QUẬN TÂN BÌNH	22.000
9	CHÂU THỜI	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
10	CỬU LONG	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
11	ĐIÊN BIÊN PHỦ	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	NGÃ 3 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	19.800
12	ĐỒNG NAI	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
13	ĐÀO DUY TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
14	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	19.800
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	LÊ HỒNG PHONG	22.000
		LÊ HỒNG PHONG	NGÃ 6 CÔNG TRƯỜNG DÂN CHỦ	24.200
15	HỒ BÁ KIẾN	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
16	HỒ THỊ KÝ	LÝ THÁI TÔ	HÙNG VƯƠNG	8.800
17	HỒNG LĨNH	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
18	HÙNG LONG	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
19	HOÀ HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		11.700
20	HOÀ HUNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
21	HOÀNG DŨ KHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		9.900
22	HƯƠNG GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		7.900
23	HÙNG VƯƠNG	LÝ THÁI TÔ	NGUYỄN CHÍ THANH	19.000
24	LÊ HỒNG PHONG	KỶ HOÀ	ĐƯỜNG 3/2	17.600
25	LÝ THÁI TÔ	ĐƯỜNG 3/2	NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	19.800
		NGÃ 7 LÝ THÁI TÔ	HÙNG VƯƠNG	17.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		TRỌN ĐƯỜNG		22.000
26	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN CHÍ THANH	RANH QUẬN TÂN BÌNH	19.800
27	NGÔ GIA TỰ	TRỌN ĐƯỜNG		24.200
28	NGÔ QUYỀN	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	14.300
29	NGUYỄN NGỌC LỘC	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
30	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	18.700
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	HÙNG VƯƠNG	16.500
31	NGUYỄN DUY ĐƯƠNG	BÀ HẠT	NGUYỄN CHÍ THANH	12.800
32	NGUYỄN KIM	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	13.300
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
34	NGUYỄN THUẬN HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
35	NGUYỄN TIÊU LA	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
36	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	22.000
37	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN TRI PHƯƠNG	13.200
		NGUYỄN TRI PHƯƠNG	NGUYỄN DUY ĐƯƠNG	11.000
38	SU VẠN HẠNH	TÔ HIẾN THÀNH	ĐƯỜNG 3/2	17.600
		ĐƯỜNG 3/2	NGÔ GIA TỰ	16.500
		NGÔ GIA TỰ	NGUYỄN CHÍ THANH	14.300
39	TAM ĐẢO	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
40	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÔ QUYỀN	12.800
41	THẤT SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
42	THÀNH THÁI	ĐƯỜNG 3/2	TÔ HIẾN THÀNH	19.800
	THÀNH THÁI (NỘI DẠI)	TÔ HIẾN THÀNH	BẮC HẢI (NỘI DẠI)	22.000
43	TÔ HIẾN THÀNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	THÀNH THÁI	17.200
		THÀNH THÁI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	19.800
44	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
45	TRẦN MINH QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		11.400
46	TRẦN NHÂN TÔN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
47	TRẦN THIÊN CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
48	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
49	VĨNH VIỄN	LÊ HỒNG PHONG	NGUYỄN LÂM	12.100
		NGUYỄN LÂM	NGUYỄN KIM	8.800
		NGUYỄN KIM	LÝ THƯỜNG KIỆT	11.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 11

Ban hành kèm theo Quyết định số. 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ÂU CƠ	BÌNH THỚI	RANH QUẬN TÂN BÌNH	10.100
2	BÌNH DƯƠNG THI XÃ	ÂU CƠ	ÔNG ÍCH KHIÊM	4.800
3	BÌNH THỚI	LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	9.700
		MINH PHỤNG	LẠC LONG QUÂN	8.800
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ LỮ GIA			7.700
5	CÔNG CHÚA NGỌC HÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
6	ĐẶNG MINH KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
7	ĐÀO NGUYỄN PHỔ	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
8	ĐỖ NGỌC THANH	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
9	ĐỘI CUNG (QUÂN SỰ CŨ)	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
10	ĐƯỜNG 100 BÌNH THỚI	BÌNH THỚI	HÈM 86 ÔNG ÍCH KHIÊM	7.000
11	ĐƯỜNG 281 LÝ THƯỜNG KIỆT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	8.600
12	ĐƯỜNG 3/2	LÝ THƯỜNG KIỆT	LÊ ĐẠI HÀNH	18.700
		LÊ ĐẠI HÀNH	MINH PHỤNG	17.600
13	ĐƯỜNG 702 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	DỰ PHỎNG	7.300
14	ĐƯỜNG 762 HỒNG BÀNG	HỒNG BÀNG	LẠC LONG QUÂN (NÓI DÀI)	6.400
15	ĐƯỜNG SỐ 2 CƯ XÁ LỮ GIA	ĐƯỜNG 52 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	10.600
16	ĐƯỜNG SỐ 3 CƯ XÁ LỮ GIA	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.600
17	ĐƯỜNG SỐ 2, 5, 9	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.800
18	ĐƯỜNG SỐ 3, 7	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.800
19	ĐƯỜNG SỐ 3A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
20	ĐƯỜNG SỐ 4, 6, 8	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
21	ĐƯỜNG SỐ 5A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
22	ĐƯỜNG SỐ 7A	CƯ XÁ BÌNH THỚI		8.100
23	DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ	TRỌN ĐƯỜNG		12.100
24	DƯƠNG TỬ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
25	HÀ TÔN QUYỀN	TRỌN ĐƯỜNG		9.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		
26	HÀN HẢI NGUYỄN	TRỌN ĐƯỜNG		8.000
27	HÀN HẢI NGUYỄN (NỐI DÀI)	PHÚ THỌ	CUỐI ĐƯỜNG	8.100
28	HỒNG BÀNG	NGUYỄN THỊ NHỎ	TÂN HOÁ	15.400
29	HOÀNG ĐỨC TƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
30	HOÀ BÌNH	LẠC LONG QUÂN	RANH QUẬN TÂN PHÚ	9.900
31	HOÀ HẢO	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
32	HUYỆN TOẠI	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
33	KHUÔNG VIỆT	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
34	LẠC LONG QUÂN	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	HOÀ BÌNH	10.300
		HOÀ BÌNH	ÂU CƠ	11.000
35	LẠC LONG QUÂN (NỐI DÀI)	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
36	LÃNH BINH THẮNG	ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	11.000
37	LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN CHÍ THANH	ĐƯỜNG 3/2	11.000
		ĐƯỜNG 3/2	BÌNH THỚI	18.300
38	LÊ THỊ BẠCH CÁT	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
39	LÊ TUNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
40	LŨ GIA	LÝ THƯỜNG KIẾT	NGUYỄN THỊ NHỎ	17.400
41	LÒ SIÊU	QUÂN SỰ	ĐƯỜNG 3/2	7.300
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	9.000
42	LÝ NAM ĐỀ	ĐƯỜNG 3/2	NGUYỄN CHÍ THANH	11.000
43	LÝ THƯỜNG KIẾT	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN CHÍ THANH	19.800
44	MINH PHỤNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.900
45	NGUYỄN BA HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
46	NGUYỄN CHÍ THANH	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÊ ĐẠI HÀNH	19.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	19.800
		NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	14.300
47	NGUYỄN THỊ NHỎ	ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	15.000
48	NGUYỄN THỊ NHỎ (NỐI DÀI)	BÌNH THỚI	THIÊN PHƯỚC	9.700
49	NGUYỄN VĂN PHÚ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
50	NHẬT TẢO	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÝ NAM ĐỀ	11.000
		LÝ NAM ĐỀ	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
51	ÔNG ÍCH KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
52	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		9.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
53	PHỐ CƠ ĐIỀU	ĐƯỜNG 3/2	TRẦN QUÝ	13.200
		TRẦN QUÝ	NGUYỄN CHÍ THANH	12.100
54	PHỦ THỌ	TRỌN ĐƯỜNG		10.600
55	QUÂN SỰ	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
56	TÂN HOÁ	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
57	TÂN KHAI	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
58	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIẾT	LÝ NAM ĐỀ	8.800
		LÊ ĐẠI HÀNH	LÊ THỊ RIÊNG	11.000
59	TÂN THÀNH	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÒ SIÊU	7.700
60	TẠ UYÊN	TRỌN ĐƯỜNG		18.700
61	THÁI PHIÊN	ĐỘI CUNG	ĐƯỜNG 3/2	7.700
		ĐƯỜNG 3/2	HỒNG BÀNG	9.500
62	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ (NÓI DÀI)	LÝ THƯỜNG KIẾT	7.500
63	THUẬN KIỀU	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
64	TÔN THẤT HIỆP	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
65	TỔNG LUNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
66	TỔNG VĂN TRÂN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
67	TRẦN QUÝ	LÊ ĐẠI HÀNH	TẠ UYÊN	12.300
		TẠ UYÊN	NGUYỄN THỊ NHỎ	10.300
68	TRỊNH ĐÌNH TRỌNG	ÂU CƠ	TỔNG VĂN TRÂN	4.800
69	TUỆ TÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		9.700
70	VĨNH VIỄN	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
71	XÓM ĐẤT	TRỌN ĐƯỜNG		10.100

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN 12

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BÙI CÔNG TRÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
2	BÙI VĂN NGŨ	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
3	CẦU LÒ HEO	GIAO KHẨU	THẠNH LỘC 15	1.400
4	ĐÌNH GIAO KHẨU	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
5	ĐÔNG HUNG THUẬN 02	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
6	ĐÔNG HUNG THUẬN 03	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
7	HÀ HUY GIÁP	CẦU AN LỘC	NGÃ TƯ GA	4.400
		NGÃ TƯ GA	CẦU PHỦ LONG	1.800
8	HIỆP THÀNH 05	HIỆP THÀNH 13	CUỐI ĐƯỜNG	1.400
9	HIỆP THÀNH 06	HIỆP THÀNH 13	HIỆP THÀNH 10	1.400
10	HIỆP THÀNH 12	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
11	HIỆP THÀNH 13	HIỆP THÀNH 39	NGÃ BA HIỆP THÀNH 12	2.000
12	HIỆP THÀNH 17	HIỆP THÀNH 37	VƯỜN UOM CÂY XANH	1.900
13	HIỆP THÀNH 18	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
14	HIỆP THÀNH 19	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
15	HIỆP THÀNH 22	HIỆP THÀNH 17	HIỆP THÀNH 27	1.400
16	HIỆP THÀNH 23	HIỆP THÀNH 17	HIỆP THÀNH 27	1.400
17	HIỆP THÀNH 26	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
18	HIỆP THÀNH 27	NGUYỄN ANH THỦ	HIỆP THÀNH 37	1.900
19	HIỆP THÀNH 31	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
20	HƯƠNG LỘ 80B	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
21	LÊ ĐỨC THỌ	CẦU TRƯỜNG ĐẠI	NGÃ TƯ TÂN THỜI HIỆP	2.200
22	LÊ THỊ RIÊNG	TRỌN ĐƯỜNG		2.400
23	LÊ VĂN KHƯƠNG	NGÃ TƯ TÂN THỜI HIỆP	CẦU DỪA	3.100
24	NGUYỄN ANH THỦ	LÊ VĂN KHƯƠNG	TÔ KÝ	2.600
		TÔ KÝ	QUỐC LỘ 22	4.200
25	NGUYỄN THÀNH VINH	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
26	NGUYỄN VĂN QUÁ	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
27	PHẠM VĂN HƠN	TRỌN ĐƯỜNG		3.700
28	QUỐC LỘ 1A	GIÁP BÌNH TÂN	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	3.300
		NGÃ TƯ AN SƯƠNG	VÒNG XOAY QUANG TRUNG	3.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	
		VÒNG XOAY QUANG TRUNG	CẦU TÂN THỜI HIỆP	3.600
		CẦU TÂN THỜI HIỆP	NGÃ TƯ GA	2.700
		NGÃ TƯ GA	CẦU BÌNH PHƯỚC	2.700
29	QUỐC LỘ 22	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	NGÃ TƯ TRUNG CHÍNH	4.800
30	TÂN CHÁNH HIỆP 05	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
31	TÂN CHÁNH HIỆP 10	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
32	TÂN CHÁNH HIỆP 13	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
33	TÂN CHÁNH HIỆP 24	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
34	TÂN CHÁNH HIỆP 33 (ĐƯỜNG ĐÔNG BẮC SAU PHÂN MỀM QUANG TRUNG	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
35	ĐƯỜNG LIÊN PHƯƠNG (TRƯỚC TRUNG TÂM Y TẾ)	NGÃ 3 HỒ ĐÀO	NGUYỄN ANH THỦ	2.200
36	TÂN THỜI HIỆP 10	TRỌN ĐƯỜNG		1.500
37	TÂN THỜI HIỆP 22	HIỆP THÀNH 37	PHÍA SAU TRẠM ĐIỆN HỐC MÔN	1.300
38	TÂN THỜI NHẤT 1	PHAN VĂN HÓN	QUỐC LỘ 1A	1.700
39	TÂN THỜI NHẤT 2	TÂN THỜI NHẤT 1	TÂN THỜI NHẤT 5	1.500
40	TÂN THỜI NHẤT 05	TÂN THỜI NHẤT 2	QUỐC LỘ 1A	1.400
41	TÂN THỜI NHẤT 06	PHAN VĂN HÓN	TÂN THỜI NHẤT 1	1.500
42	TÂN THỜI NHẤT 08	TÂN THỜI NHẤT 2	PHAN VĂN HÓN	2.100
		PHAN VĂN HÓN	RẠCH CẦU SA	2.100
43	THẠNH LỘC 30	HÀ HUY GIÁP	TRẠI CÁ SÁU HOA CÀ	1.800
44	THẠNH XUÂN 13	QUỐC LỘ 1A	CÔNG GÒ SAO	1.800
45	THỜI AN 09	TRỌN ĐƯỜNG		1.400
46	THỜI AN 19	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	1.800
47	TỈNH LỘ 15	CẦU CHỢ CẦU	QUỐC LỘ 1A	4.200
48	TỔ KỶ	CẦU VƯỢT QUANG TRUNG	NGÃ 3 BẦU	3.800
49	TỔ NGỌC VÂN	CẦU BẾN PHÂN	QUỐC LỘ 1A	1.800
		QUỐC LỘ 1A	HÀ HUY GIÁP	1.600
50	TRUNG MỸ TÂY 13	TỔ KỶ	TUYÊN NƯỚC SẠCH	1.900
51	TRUNG MỸ TÂY 2A	QUỐC LỘ 22	TRƯỜNG QUÂN KHU 7	1.900
52	TRUNG MỸ TÂY 6A	TRUNG MỸ TÂY 13	TRUNG MỸ TÂY 2A	1.400
53	TRUNG MỸ TÂY 9A	TRỌN ĐƯỜNG		1.700
54	TRUNG MỸ TÂY 08	NGUYỄN ANH THỦ	NHÀ TƯỜNG NIỆM NGUYỄN AN NINH	1.700
55	TRƯỜNG CHÍNH	CẦU THAM LƯƠNG	NGÃ TƯ AN SƯƠNG	6.500
56	VƯỜN LẠI	QUỐC LỘ 1A	CẦU RẠCH GIA	1.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		CẦU RẠCH GIA	SÔNG VÀM THUẬT	1.400
57	THẠNH LỘC 15	QUỐC LỘ 1A	SÔNG SÀI GÒN	1.500
58	TÂN THỚI HIỆP 07	QUỐC LỘ 1A	ĐƯỜNG LIÊN PHƯỜNG	1.900
59	TRUNG MỸ TÂY 18A	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
60	HIỆP THÀNH 44	HIỆP THÀNH 06	HIỆP THÀNH 39	1.600
61	HIỆP THÀNH 42	NGUYỄN ÁNH THỦ	ĐƯỜNG VÀO KHU TDC 1.3 HA (BĐH KHU PHỐ 4)	1.600
62	ĐƯỜNG VÀO KHU TDC 1,3 HA	NGUYỄN ÁNH THỦ	HIỆP THÀNH 42 (BĐH KHU PHỐ 4)	1.600
63	HÀ ĐẶC	TRUNG MỸ TÂY 13	NGUYỄN ÁNH THỦ	1.700
64	AN PHÚ ĐÔNG 01	VƯỜN LÀI	AN PHÚ ĐÔNG 03	1.400
65	AN PHÚ ĐÔNG 09	QUỐC LỘ 1A	AN PHÚ ĐÔNG 01	1.400
66	AN PHÚ ĐÔNG 11	QUỐC LỘ 1A	AN PHÚ ĐÔNG 03	1.400
67	AN PHÚ ĐÔNG 13	QUỐC LỘ 1A	AN PHÚ ĐÔNG 03	1.400
68	AN PHÚ ĐÔNG 27	QUỐC LỘ 1A	CẦU BÀ ĐƯỜNG	1.400
69	TÂN CHÁNH HIỆP 25	TÂN CHÁNH HIỆP 24	TÂN CHÁNH HIỆP 18	1.600
70	TÂN CHÁNH HIỆP 07	NGUYỄN ÁNH THỦ	TÂN CHÁNH HIỆP 03	1.600
71	TÂN CHÁNH HIỆP 03	TÂN CHÁNH HIỆP 07	TÂN CHÁNH HIỆP 02	1.500
72	TÂN CHÁNH HIỆP 18	TỔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 25	1.700
73	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TỔ KÝ	TÂN CHÁNH HIỆP 34	1.700
74	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 35	TÂN CHÁNH HIỆP 36	1.600
75	TÂN CHÁNH HIỆP 36	TÂN CHÁNH HIỆP 34	TÂN CHÁNH HIỆP 33	1.600
76	THỐI AN 32	TRỌN ĐƯỜNG		1.600
77	THỐI AN 21	THỐI AN 32	LÊ THỊ RIÊNG	1.400
78	THỐI AN 16	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	1.600
79	THỐI AN 13	LÊ VĂN KHƯƠNG	LÊ THỊ RIÊNG	1.600
80	TUYẾN SONG HÀNH	TRỌN ĐƯỜNG		2.000
81	THẠNH XUÂN 21	TỔ NGỌC VÂN	THẠNH XUÂN 13	1.400
82	THẠNH LỘC 50	HÀ HUY GIÁP	ĐƯỜNG BỜ HỮU SÔNG SG	1.200
83	THẠNH LỘC 29	HÀ HUY GIÁP	ĐƯỜNG BỜ HỮU SÔNG SG	1.400
84	THẠNH LỘC 16	NHÁNH RỄ NGÃ TƯ GA	THỪA ĐẤT SỐ 162, TỜ 21	1.500
85	THẠNH LỘC 40	HÀ HUY GIÁP	THẠNH LỘC 41	1.400
86	THẠNH LỘC 47	HÀ HUY GIÁP	ĐƯỜNG BỜ HỮU SÔNG SG	1.200
87	TÂN THỐI NHẤT 17	TRỌN ĐƯỜNG		3.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN BÌNH THẠNH

hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	BẠCH ĐẰNG	NGÃ 3 HÀNG XANH	CHỢ BÀ CHIẾU	21.600
2	BÌNH LỢI	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
3	BÌNH QUỐI	CẦU KINH	THANH ĐÀ	8.600
		THANH ĐÀ	BẾN ĐÒ	6.400
4	BÙI HỮU NGHĨA	CẦU BÙI HỮU NGHĨA	NGÃ BA THÁNH MẪU	13.900
		NGÃ BA THÁNH MẪU	BẠCH ĐẰNG	15.400
5	BÙI ĐÌNH TUÝ	TRỌN ĐƯỜNG		12.500
6	CHU VĂN AN	NGÃ 5 BÌNH HOÀ	CẦU CHU VĂN AN	11.000
		CẦU CHU VĂN AN	ĐÌNH BỘ LĨNH	12.500
7	CÔNG TRƯỜNG HOÀ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
8	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
9	DIÊN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
10	ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU SÀI GÒN	21.600
11	ĐÌNH BỘ LĨNH	CẦU BÌNH TRIỆU	NGUYỄN XÍ	12.000
		NGUYỄN XÍ	ĐIỆN BIÊN PHỦ	12.500
12	ĐÌNH TIẾN HOÀNG	CẦU BÔNG	PHAN ĐĂNG LƯU	21.600
13	ĐỒNG ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
14	ĐƯỜNG 12AB KHU MIẾU NỔI	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
15	ĐƯỜNG 16 KHU MIẾU NỔI	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
16	ĐƯỜNG D1	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
17	ĐƯỜNG D2	TRỌN ĐƯỜNG		13.800
18	ĐƯỜNG D3	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
19	ĐƯỜNG D5	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
20	ĐƯỜNG TRỰC 30M	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
21	HỒ XUÂN HƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
22	HỒNG BÀNG	VŨ TÙNG	DIÊN HỒNG	12.800
23	HOÀNG HOA THẨM	NGUYỄN THUẬN HIỀN	NGUYỄN VĂN ĐẬU	8.800
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	PHAN ĐĂNG LƯU	10.300
24	HUỶNH MÃN ĐẠT	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	11.000

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		5
25	HUỶNH ĐÌNH HAI	TRỌN ĐƯỜNG		2.500
26	HUỶNH TÁ BANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
27	HUỶNH TỊNH CỬA	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
28	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
29	LÊ QUANG ĐỊNH	CHỢ BÀ CHIỂU	NƠ TRANG LONG	15.600
		NƠ TRANG LONG	NGUYỄN VĂN ĐẬU	12.000
		NGUYỄN VĂN ĐẬU	RANH QUẬN GỖ VẤP	10.200
30	LÊ TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
31	LƯƠNG NGỌC QUYẾN	BÌNH LỢI	RANH QUẬN GỖ VẤP	6.000
32	MAI XUÂN THƯỜNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
33	MÊ LINH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
34	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
35	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	LÊ QUANG ĐỊNH	HOÀNG HOA THẨM	10.200
		HOÀNG HOA THẨM	NGUYỄN VĂN ĐẬU	6.000
36	NGÔ NHÂN TỊNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
37	NGÔ ĐỨC KẾ	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
38	NGÔ TẤT TỐ	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
39	ĐƯỜNG PHÚ MỸ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
40	NGUYỄN TRUNG TRỰC	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
41	NGUYỄN XÍ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
42	NGUYỄN AN NINH	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
43	NGUYỄN BÌNH KIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		5.300
44	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
45	NGUYỄN CÔNG TRÚ	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
46	NGUYỄN CỬU VÂN	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	ĐIỆN BIÊN PHỦ	12.000
47	NGUYỄN DUY	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
48	NGUYỄN HỒNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
49	NGUYỄN HỮU CẢNH	TRỌN ĐƯỜNG		16.600
50	NGUYỄN HUY LƯỢNG	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
51	NGUYỄN HUY TƯỚNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
52	NGUYỄN KHUYẾN	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
53	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
54	NGUYỄN THÁI HỌC	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
55	NGUYỄN THIÊN THUẬT	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
56	NGUYỄN VĂN LẠC	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
57	NGUYỄN VĂN ĐẬU	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	LÊ QUANG ĐỊNH	12.000
		LÊ QUANG ĐỊNH	PHAN VĂN TRỊ	10.200

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
58	NGUYỄN XUÂN ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
59	NƠ TRANG LONG	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	16.200
		LÊ QUANG ĐỊNH	NGUYỄN XÍ	15.200
		NGUYỄN XÍ	BÌNH LỢI	9.000
60	PHẠM VIỆT CHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
61	PHAN HUY ÔN	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
62	PHAN BỘI CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
63	PHAN CHU TRÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		13.200
64	PHAN ĐĂNG LƯU	LÊ QUANG ĐỊNH	GIÁP QUẬN PHÚ NHUẬN	21.600
65	PHAN XÍCH LONG	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
66	PHAN VĂN HÂN	ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	9.600
		XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CÔNG TRƯỜNG TỰ DO	12.000
67	PHAN VĂN TRỊ	LÊ QUANG ĐỊNH	NƠ TRANG LONG	9.600
		NƠ TRANG LONG	GIÁP QUẬN GÒ VẤP	9.000
68	PHÓ ĐỨC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
69	QUỐC LỘ 13	ĐÀI LIỆT SĨ	CẦU BÌNH TRIỆU	15.200
70	TẶNG BẠT HỒ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
71	THANH ĐA	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
72	THIỆN HỘ DƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		4.200
73	TRẦN BÌNH TRỌNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.000
74	TRẦN KẾ XƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.100
75	TRẦN QUÝ CÁP	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
76	TRẦN VĂN KỶ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
77	TRỊNH HOÀI ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
78	TRƯỜNG SA	CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	9.600
		CẦU ĐIỆN BIÊN PHỦ	CẦU BÔNG	7.200
79	UNG VĂN KHIÊM	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
80	VẠN KIẾP	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
81	VÕ DUY NINH	TRỌN ĐƯỜNG		9.600
82	VÕ TRƯỜNG TOÀN	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
83	VŨ HUY TẤN	TRỌN ĐƯỜNG		10.100
84	VŨ NGỌC PHAN	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
85	VŨ TÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
86	XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH	CẦU THỊ NGHỆ	VÒNG XOAY HÀNG XANH	21.600
		VÒNG XOAY HÀNG XANH	ĐÀI LIỆT SĨ	14.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
		ĐẠI LIỆT SĨ	CẦU KINH	10.300
		ĐẠ CẦU THỊ NGHỆ		13.800
87	YÊN ĐỒ	TRỌN ĐƯỜNG		7.200
88	PHẠM VĂN ĐỒNG	TRỌN ĐƯỜNG THUỘC ĐỊA BÀN QUẬN BÌNH THẠNH		9.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6
BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN PHÚ NHUẬN

Ban hành kèm theo Quyết định số 60 /2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	CẨM BÁ THUỐC	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
2	CAO THẮNG	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	10.300
3	CHIẾN THẮNG	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
4	CÔ BẮC	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
5	CÔ GIANG	TRỌN ĐƯỜNG		11.000
6	CÙ LAO	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
7	DUY TÂN	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
8	ĐẶNG THAI MAI	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
9	ĐẶNG VĂN NGŨ	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	KÊNH NHIỀU LỘC	13.700
10	ĐÀO DUY ANH	TRỌN ĐƯỜNG		15.600
11	ĐÀO DUY TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
12	ĐỖ TÂN PHONG	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
13	ĐOÀN THỊ ĐIỂM	TRỌN ĐƯỜNG		13.700
14	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ RẠCH MIỄU (PHƯỜNG 2, PHƯỜNG 7)	HOA CAU, HOA LAI, HOA THỊ, HOA HUẾ		13.700
		HOA LAN, HOA MAI, HOA TRÀ, HOA CÚC, HOA SỮA, HOA SỨ, HOA GIẤY, HOA HỒNG, ĐƯỜNG.11		14.200
		HOA PHƯỢNG		15.000
		NGUYỄN VĂN TRỖI	HUỲNH VĂN BÁNH	14.300
15	HỒ BIỂU CHÁNH	HUỲNH VĂN BÁNH	GIÁP QUẬN 3	8.800
16	HOÀNG HOA THẨM	TRỌN ĐƯỜNG		6.900
17	HỒ VĂN HUẾ	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
18	HOÀNG DIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		13.700
19	HOÀNG MINH GIÁM	TRỌN ĐƯỜNG		13.700
20	HOÀNG VĂN THỤ	TRỌN ĐƯỜNG		17.200
21	HUỲNH VĂN BÁNH	PHAN ĐÌNH PHÙNG	NGUYỄN VĂN TRỖI	15.000
		NGUYỄN VĂN TRỖI	LÊ VĂN SỸ	17.200
		LÊ VĂN SỸ	ĐẶNG VĂN NGŨ	13.700
22	KỶ CÔN	TRỌN ĐƯỜNG		7.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3		5
23	LAM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
24	LÊ QUÝ ĐÓN	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
25	LÊ TỰ TÀI	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
26	LÊ VĂN SỸ	TRỌN ĐƯỜNG		18.900
27	MAI VĂN NGỌC	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
28	NGÔ THỜI NHIỆM	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
29	NGUYỄN CÔNG HOAN	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
30	NGUYỄN KIỂM	NGÃ 4 PHÚ NHUẬN	ĐƯỜNG SẮT	15.600
		ĐƯỜNG SẮT	GIÁP QUÂN GỎ VẤP	13.700
31	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	NGUYỄN KIỂM	PHAN XÍCH LONG	10.800
		PHAN XÍCH LONG	THÍCH QUẢNG ĐỨC	7.800
32	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG		10.800
33	NGUYỄN LÂM	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
34	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	NGUYỄN VĂN TRỖI	12.000
		NGUYỄN VĂN TRỖI	NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH	10.300
35	NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
36	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	PHAN ĐÌNH PHÙNG	GIÁP QUÂN TÂN BÌNH	14.500
37	NGUYỄN TRƯỜNG TỌ	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
38	NGUYỄN VĂN ĐẬU	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
39	NGUYỄN VĂN TRỖI	CẦU CÔNG LÝ	NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	26.400
		NGUYỄN TRỌNG TUYẾN	HOÀNG VĂN THỤ	26.400
40	NHIÊU TỬ	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
41	PHAN ĐĂNG LƯU	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
42	PHAN ĐÌNH PHÙNG	TRỌN ĐƯỜNG		20.600
43	PHAN TÂY HỒ	CÀM BÀ THUỐC	NHIÊU TỬ	7.800
		NHIÊU TỬ	KHU DÂN CƯ RẠCH MIẾU	11.000
44	PHAN XÍCH LONG	NGUYỄN ĐÌNH CHIÊU	PHAN ĐĂNG LƯU	13.700
		PHAN ĐĂNG LƯU	GIÁP QUÂN BÌNH THẠNH	17.600
45	PHÙNG VĂN CUNG	TRỌN ĐƯỜNG		8.600
46	THÍCH QUẢNG ĐỨC	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
47	TRẦN CAO VÂN	TRỌN ĐƯỜNG		10.300
48	TRẦN HỮU TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		10.300

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
49	TRẦN HUY LIỆU	TRỌN ĐƯỜNG		17.600
50	TRẦN KẾ XƯƠNG	PHAN ĐĂNG LƯU	KHU DÂN CƯ RẠCH MIẾU	9.500
		KHU DÂN CƯ RẠCH MIẾU		12.800
51	TRẦN KHẮC CHÂN	TRỌN ĐƯỜNG		9.500
52	TRƯƠNG QUỐC DUNG	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG DIỆU	12.800
		HOÀNG DIỆU	TRẦN HỮU TRANG	10.800
53	TRƯỜNG SA (VEN KÊNH NHIÊU LỘC THỊ NGHÈ)	TRỌN ĐƯỜNG		12.000
54	HỒNG HÀ	RANH Quận TÂN BÌNH	HOÀNG MINH GIÁM	9.000
		HOÀNG MINH GIÁM	HÈM 553 NGUYỄN KIÊM	8.000
55	PHỖ QUANG	RANH Quận TÂN BÌNH	ĐÀO DUY ANH	10.300

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



BẢNG 6

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở QUẬN TÂN BÌNH

hành kèm theo Quyết định số 60-/2013/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
1	ẤP BẮC	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	6.600
2	ẦU CƠ	TRỌN ĐƯỜNG		9.000
3	BA GIA	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
4	BA VÂN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ẦU CƠ	6.600
5	BA VÌ	THĂNG LONG	KÊNH SÂN BAY (A41)	6.600
6	BẮC HẢI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	CUỐI ĐƯỜNG	8.800
7	BẠCH ĐĂNG 1	VÒNG XOAY TRƯỜNG SƠN	NGÃ BA HỒNG HÀ - BẠCH ĐĂNG 2	6.600
8	BẠCH ĐĂNG 2	NGÃ 3 HỒNG HÀ	CUỐI ĐƯỜNG	7.100
9	BÀNH VĂN TRẦN	TRỌN ĐƯỜNG		6.600
10	BẦU BÀNG	NÚI THÀNH	BÌNH GIÃ	6.600
11	BẦU CÁT	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	12.200
		ĐỒNG ĐEN	VÕ THÀNH TRANG	7.700
12	BẦU CÁT 1	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	7.500
13	BẦU CÁT 2	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	7.500
14	BẦU CÁT 3	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	HÈM 273 BẦU CÁT	7.500
15	BẦU CÁT 4	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	ĐỒNG ĐEN	7.500
16	BẦU CÁT 5	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
17	BẦU CÁT 6	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
18	BẦU CÁT 7	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
19	BẦU CÁT 8	ẦU CƠ	ĐỒNG ĐEN	7.000
		ĐỒNG ĐEN	HỒNG LẠC	5.700
20	BẦY HIỀN	HÈM 1129 LẠC LONG QUÂN	1017 LẠC LONG QUÂN	9.900
21	BÊ VĂN ĐÀN	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	ĐỒNG ĐEN	7.500
22	BÊN CÁT	ĐƯỜNG PHÚ HOÀ	NGHĨA PHÁT	5.900
23	BÌNH GIÃ	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	8.800
24	BÙI THỊ XUÂN	HOÀNG VĂN THỤ	KÊNH NHIỀU LỘC	9.200
25	CA VĂN THÌNH	VÕ THÀNH TRANG	ĐỒNG ĐEN	7.500
26	CÔNG LỒ	PHAN HUY ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	4.000
27	CÁCH MẠNG THÁNG 8	TRỌN ĐƯỜNG		15.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
28	CHÂN HUNG	CÁCH MẠNG THÁNG 8	NGHĨA HOÀ	4.800
29	CHÂU VĨNH TẾ	NGUYỄN TỰ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	6.400
30	CHÍ CÔNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.700
31	CHỈ LĨNH	KHAI TRÍ	ĐẠI NGHĨA	5.700
32	CHỮ ĐỒNG TỬ	BÀNH VĂN TRẦN	VÂN CÔI	5.700
33	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHÍNH	LĂNG CHA CÁ	13.200
34	CỬU LONG	TRƯỜNG SƠN	YÊN THỀ	9.200
35	CỦ CHÍNH LAN	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	6.500
36	DÂN TRÍ	NGHĨA HOÀ	KHAI TRÍ	7.500
37	DƯƠNG VĂN NGÀ	NGUYỄN BẠC	NGÔ THỊ THU MINH	10.800
38	DUY TÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	8.800
39	ĐẠI NGHĨA	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	5.600
40	ĐẶNG LỘ	NGHĨA PHÁT	CHỮ ĐỒNG TỬ	5.600
41	ĐẤT THÁNH	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẮC HẢI	6.400
42	ĐỒ SƠN	THẮNG LONG	HÈM SỐ 6 HẢI VÂN	6.600
43	ĐỒNG HỒ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.700
44	ĐỒNG NAI	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	8.800
45	ĐỒNG ĐEN	TRỌN ĐƯỜNG		8.800
46	ĐỒNG SƠN	VÂN CÔI	BA GIA	7.700
47	ĐỒNG XỎAI	BÌNH GIÃ	HOÀNG HOA THẨM	7.900
48	ĐÌNH ĐIỆN	ĐƯƠNG VĂN NGÀ	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	6.600
49	ĐƯỜNG A4	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHÍNH	8.400
50	ĐƯỜNG B6	TRỌN ĐƯỜNG		7.300
51	THÁI THỊ NHẬN	ÂU CƠ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.300
52	NGÔ THỊ THU MINH	PHẠM VĂN HAI	LÊ VĂN SỸ	9.200
53	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	THÂN NHÂN TRUNG	ĐƯỜNG C12	5.500
54	ĐƯỜNG C1	CỘNG HOÀ	NGUYỄN QUANG BÍCH	5.500
55	ĐƯỜNG C12	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN	5.500
56	ĐƯỜNG C18	CỘNG HOÀ	HOÀNG KẾ VIÊM	7.700
57	TRẦN VĂN DANH	HÈM 235 ĐƯỜNG HOÀNG HOA THẨM	GIÁP BỜ RÀO SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	5.500
58	ĐƯỜNG C22	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	7.300
59	ĐƯỜNG C27	HÈM 58 NGUYỄN MINH HOÀNG	NGUYỄN BÁ TUYẾN (C29)	5.500
60	ĐƯỜNG C3	NGUYỄN QUANG BÍCH	NGUYỄN HIẾN LÊ	5.500

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
61	ĐƯỜNG D52	CỘNG HÒA	LÊ TRUNG NGHĨA	5.500
62	ĐẶNG MINH TRỨ	BÙI THẾ MỸ	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.100
63	ĐƯỜNG NHÀ KHO PEPSI	NGÔ THỊ THU MINH	NHÀ SỐ 130/9 PHẠM VĂN HAI	8.100
64	ĐƯỜNG SỐ 1	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
65	ĐƯỜNG SỐ 2	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
66	ĐƯỜNG SỐ 3	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
67	ĐƯỜNG SỐ 4	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
68	ĐƯỜNG SỐ 5	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
69	ĐƯỜNG SỐ 6	TRỌN ĐƯỜNG		5.100
70	ĐƯỜNG SỐ 7	ĐƯỜNG SỐ 1	ĐẶNG MINH TRỨ	5.100
71	ĐƯỜNG TỔ 46-P10	HỒNG LẠC	ĐƯỜNG SỐ 1	5.100
72	BÙI THẾ MỸ	HỒNG LẠC	NI SƯ HUỲNH LIÊN	5.900
73	ĐỒNG ĐÀ	CỬU LONG	TIỀN GIANG	7.700
74	GIẢI PHÓNG	THĂNG LONG	CUỐI ĐƯỜNG	6.600
75	GỖ CẨM ĐỆM	LẠC LONG QUÂN	TRẦN VĂN QUANG	4.400
76	HẬU GIANG	THĂNG LONG	TRƯỜNG SON	8.700
77	HÀ BÁ TUỜNG	TRƯỜNG CHINH	LÊ LAI	6.600
78	HÁT GIANG	LAM SƠN	YÊN THẾ	6.600
79	HIỆP NHẤT	HOÀ HIỆP	NHÀ SỐ 1024 HIỆP NHẤT	5.700
80	HỒNG HÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
81	HỒNG LẠC	LẠC LONG QUÂN	VÕ THÀNH TRANG	7.900
		VÕ THÀNH TRANG	ÂU CƠ	6.600
82	HOÀNG BẬT ĐẠT	NGUYỄN PHÚC CHU	CÓNG LỖ	3.300
83	HOÀNG HOA THẨM	TRƯỜNG CHINH	CỘNG HOÀ	11.700
		CỘNG HOÀ	RANH SÂN BAY	8.100
84	HOÀNG KẾ VIÊM (C21)	ĐƯỜNG A4	CUỐI ĐƯỜNG	7.300
85	HOÀNG SA	LÊ BÌNH	GIÁP RANH QUẬN 3	8.300
86	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN VĂN TRỖI	NGÃ 4 BẢY HIỀN	14.300
87	HOÀNG VIỆT	HOÀNG VĂN THỤ	LÊ BÌNH	11.200
88	HÙNG HOÀ	CHÂN HÙNG	NGÃ 3 THÁNH GIÁ	4.800
89	HOÀ HIỆP	HIỆP NHẤT	NHÀ 1253 HOÀ HIỆP	5.600
90	HUỲNH LAN KHANH	HÈM 28 PHAN ĐÌNH GIÓT	HÈM 64 PHỖ QUANG	10.000
91	HUỲNH TỊNH CỬA	SƠN HÙNG	NGUYỄN TỬ NHA	6.400
92	HUỲNH VĂN NGHỆ	PHAN HUỲ ÍCH	PHẠM VĂN BẠCH	3.000
93	KHAI TRÍ	NGHĨA PHÁT	DÂN TRÍ	5.600

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
94	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	ÂU CƠ	13.200
95	LAM SƠN	SÔNG NHUỆ	HỒNG HÀ	7.000
96	LÊ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.000
97	LÊ DUY NHUẬN (C28)	THÉP MỚI	ĐƯỜNG A4	6.600
98	LÊ LAI	TRƯỜNG CHINH	HÈM 291 TRƯỜNG CHINH	6.600
99	LÊ LỢI	TRƯỜNG CHINH	HÈM 11 LÊ LAI	5.900
100	LÊ MINH XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	12.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	VÂN CÔI	8.600
101	LÊ NGÂN	TRƯỜNG CHINH	NGUYỄN TỬ NHA	7.500
102	LÊ TÂN QUỐC	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	6.400
103	LÊ TRUNG NGHĨA (C26)	HOÀNG HOA THÁM	ĐƯỜNG A4	5.500
		ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	7.300
104	LÊ VĂN HUÂN	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN	6.400
105	LÊ VĂN SỸ	LĂNG CHA CẢ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	14.300
106	LỘC HUNG	CHÂN HUNG	NGÃ 3 NHÀ THỜ LỘC HUNG	4.800
107	LỘC VINH	NGHĨA PHÁT	NGHĨA HOÀ	5.300
108	LONG HUNG	BẾN CÁT	BA GIA	6.600
109	LƯU NHÂN CHỦ	PHẠM VĂN HAI	HÈM 98 CÁCH MẠNG THÁNG 8	4.800
110	LÝ THƯỜNG KIỆT	NGÃ 4 BẦY HIỀN	TRẦN TRIỆU LUẬT	19.800
		TRẦN TRIỆU LUẬT	RANH QUẬN 10	16.100
111	MAI LÃO BẠNG	THÂN NHÂN TRUNG	TRẦN VĂN DƯ	6.200
112	NĂM CHÂU	TRỌN ĐƯỜNG		6.400
113	NGHĨA HUNG	HÈM TÔ 36	HÈM TÔ 28	5.300
114	NGHĨA HOÀ	NGHĨA PHÁT	BẮC HẢI	5.300
115	NGHĨA PHÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	BẾN CÁT	7.500
		BẾN CÁT	BÀNH VĂN TRÂN	7.100
116	NGÔ BÈ	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG NGUYỄN ĐỨC THUẬN	5.500
117	NGỰ BÌNH	TRỌN ĐƯỜNG		7.500
118	NGUYỄN BẠC	PHẠM VĂN HAI	DƯƠNG VĂN NGA	12.800
119	NGUYỄN BẢ TÔNG	TRƯỜNG CHINH	SƠN HUNG	6.600
120	NGUYỄN BẢ TUYÊN (C29)	NGUYỄN MINH HOÀNH	LÊ DUY NHUẬN	6.400
121	NGUYỄN CẢNH DI	THĂNG LONG	NGUYỄN VĂN MAI	6.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
122	NGUYỄN CHÁNH SẮT	TRẦN VĂN DU	TRẦN VĂN DANH	6.200
123	NGUYỄN HIẾN LÊ	TRẦN VĂN DU	HOÀNG HOA THẨM	6.200
124	NGUYỄN HỒNG ĐÀO	TRƯỜNG CHÍNH	ÂU CƠ	8.800
125	NGUYỄN MINH HOÀNG(C25)	HOÀNG HOA THẨM	QUÁCH VĂN TUẤN	7.300
126	NGUYỄN ĐỊNH KHOI	HOÀNG VĂN THỤ	HOÀNG VIỆT	6.600
127	NGUYỄN PHÚC CHU	TRƯỜNG CHÍNH	KÊNH HY VỌNG	4.700
128	NGUYỄN QUANG BÍCH(B4)	TRẦN VĂN DU	HOÀNG HOA THẨM	6.200
129	NGUYỄN SỸ SÁCH	TRƯỜNG CHÍNH	PHẠM VĂN BẠCH	4.800
130	NGUYỄN THANH TUYỀN	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HẸM 500 PHẠM VĂN HAI	7.700
131	NGUYỄN THÁI BÌNH	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	9.900
132	NGUYỄN THẾ LỘC	ĐƯỜNG A4	ĐƯỜNG C18	7.300
133	NGUYỄN THỊ NHỎ	ÂU CƠ	THIÊN PHƯỚC	7.700
134	NGUYỄN TỬ NHA	NĂM CHÂU	NHÀ THỜ VĂN CÔI	5.900
135	NGUYỄN TRỌNG LỢI	HẬU GIANG	HẸM 27/10 NGUYỄN VĂN VINH	6.600
136	NGUYỄN TRỌNG TUYỀN	HẸM 413 HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	12.800
137	NGUYỄN VĂN MẠI	SỐ 1 TRƯỜNG SƠN	SỐ 1/54 TRƯỜNG SƠN	7.500
138	NGUYỄN VĂN TRỖI	HOÀNG VĂN THỤ	RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	19.800
139	NGUYỄN VĂN VỊ	NGUYỄN TỬ NHA	CUỐI ĐƯỜNG	6.200
140	NGUYỄN VĂN VINH	HẸM 27 HẬU GIANG	THĂNG LONG	6.800
141	NHẤT CHI MAI	CỘNG HOÀ	ĐƯỜNG C12	6.400
142	NI SƯ HUỲNH LIÊN	LẠC LONG QUÂN	HÔNG LẠC	7.000
143	NÚI THÀNH	ẤP BẮC	CỘNG HOÀ	6.600
144	PHẠM CỰ LƯỢNG	PHỐ QUANG	CUỐI ĐƯỜNG	5.900
145	PHẠM PHÚ THỨ	ĐƯỜNG BẦY HIỀN	ĐỒNG ĐEN	6.600
146	PHẠM VĂN BẠCH	TRƯỜNG CHÍNH	RANH QUẬN GỖ VẤP	4.400
147	PHẠM VĂN HAI	CÁCH MẠNG THÁNG 8	LÊ VĂN SỸ	15.400
		LÊ VĂN SỸ	HOÀNG VĂN THỤ	11.200
148	PHAN BÁ PHIÊN	ĐƯỜNG A4	QUÁCH VĂN TUẤN	7.300
149	PHAN HUY ÍCH	TRƯỜNG CHÍNH	RANH QUẬN GỖ VẤP	6.600
150	PHAN ĐÌNH GIÓT	PHỐ QUANG	TRƯỜNG SƠN	9.900
151	PHAN SÀO NAM	BÀU CÁT	HÔNG LẠC	6.600
152	PHAN THỨC DUYỆN	THĂNG LONG	PHAN ĐÌNH GIÓT	9.900
153	PHAN VĂN LÂU	ĐỒ SƠN	HẸM 61 THĂNG LONG	5.100
154	PHAN VĂN SỬU	CỘNG HOÀ	NHẤT CHI MAI	6.400

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
155	PHỐ QUANG	PHAN ĐÌNH GIÓT	HỒ VĂN HUẾ (QUẬN PHÚ NHUẬN)	10.100
156	PHÙ HOÀ	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.300
		LÝ THƯỜNG KIỆT	LẠC LONG QUÂN	14.300
157	PHỮ LỘC	BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ SỐ 61/22	4.800
158	QUÁCH VĂN TUẤN	CỘNG HOÀ	CUỐI ĐƯỜNG	7.300
159	QUẢNG HIỀN	NĂM CHÂU	SƠN HUNG	5.700
160	SẦM SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		7.700
161	SAO MAI	SỐ 147 CÁCH MẠNG THÁNG 8	BÀNH VĂN TRẦN	6.600
		BÀNH VĂN TRẦN	NHÀ THỜ SAO MAI	4.800
162	SÔNG ĐÀ	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
163	SÔNG ĐÁY	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
164	SÔNG NHƯỆ	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
165	SÔNG THAO	LAM SƠN	ĐỒNG ĐÀ	7.800
166	SÔNG THƯƠNG	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
167	SƠN CANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.200
168	SƠN HUNG	HUỲNH TỊNH CỦA	CUỐI ĐƯỜNG	7.700
169	TÂN CANH	NGUYỄN TRỌNG TUYÊN	LÊ VĂN SỸ	11.000
170	TÂN CHÂU	DUY TÂN	TÂN PHƯỚC	8.100
171	TÂN KHAI	HIỆP NHẤT	TỰ CƯỜNG	6.600
172	TÂN KỶ TÂN QUÍ	CỘNG HOÀ	TRƯỜNG CHÍNH	5.900
173	TÂN HẢI	TRƯỜNG CHÍNH	CỘNG HOÀ	7.500
174	TÂN LẬP	TÂN THỌ	TÂN XUÂN	5.700
175	TÂN PHƯỚC	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN TIỀN	6.600
176	TÂN SƠN HOÀ	TRỌN ĐƯỜNG		12.800
177	TÂN TẠO	LÝ THƯỜNG KIỆT	TÂN XUÂN	6.600
178	TÂN THỌ	LẠC LONG QUÂN	LÝ THƯỜNG KIỆT	6.600
179	TÂN TIỀN	TÂN THỌ	ĐỒNG HỒ	9.400
180	TÂN TRANG	TRỌN ĐƯỜNG		6.800
181	TÂN TRỤ	NGUYỄN PHÚC CHU	PHAN HUY ÍCH	4.200
182	TÂN XUÂN	LẠC LONG QUÂN	LÊ MINH XUÂN	6.400
183	TÀI THIẾT	LÝ THƯỜNG KIỆT	NĂM CHÂU	6.600
184	TÂN VIÊN	SÔNG ĐÁY	ĐỒNG NAI	8.300
185	THÂN NHÂN TRUNG	CỘNG HOÀ	MAI LÃO BẠNG	6.400
186	THĂNG LONG	CỘNG HOÀ	HẬU GIANG	8.800

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
187	THÀNH MỸ	ĐÔNG HỒ	HÈM 373 LÝ THƯỜNG KIẾT	6.600
188	THÉP MỚI	HOÀNG HOA THÁM	NGUYỄN THÁI BÌNH	6.400
189	THÍCH MINH NGUYỆT	TRỌN ĐƯỜNG		7.600
190	THIÊN PHƯỚC	NGUYỄN THỊ NHỎ	LÝ THƯỜNG KIẾT	7.500
191	THỦ KHOA HUÂN	PHÚ HOÀ	ĐÔNG HỒ	8.500
192	TIỀN GIANG	TRƯỜNG SƠN	LAM SƠN	8.700
193	TÔNG VĂN HÈN	TRƯỜNG CHÍNH	NGUYỄN PHÚC CHU	4.100
194	TỰ CƯỜNG	TỰ LẬP	HÈM 384 CÁCH MẠNG THÁNG 8	6.500
195	TỰ LẬP	CÁCH MẠNG THÁNG 8	HIỆP NHẤT	6.500
196	TỬ HẢI	NGHĨA PHÁT	ĐẤT THÁNH	5.700
197	TRẦN MAI NINH	TRƯỜNG CHÍNH	BÀU CÁT	7.500
198	TRẦN QUỐC HOÀN	CỘNG HÒA	TRƯỜNG SƠN	11.900
199	TRẦN THÁI TÔNG	TRƯỜNG CHÍNH	PHẠM VĂN BẠCH	5.300
200	TRẦN THÁNH TÔNG	HUỲNH VĂN NGHỆ	CÓNG LỖ	4.800
201	TRẦN TRIỆU LUẬT	BẾN CÁT	LÝ THƯỜNG KIẾT	7.900
202	TRẦN VĂN DƯ	CỘNG HÒA	TƯỜNG RÀO SÂN BAY	6.600
203	TRẦN VĂN HOÀNG	TRỌN ĐƯỜNG		5.500
204	TRẦN VĂN QUANG	LẠC LONG QUÂN	ÂU CƠ	7.200
205	TRÀ KHÚC	TRỌN ĐƯỜNG		7.800
206	TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH	TRƯỜNG CHÍNH	ÂU CƠ	8.800
207	TRƯƠNG HOÀNG THANH	NGUYỄN THÁI BÌNH	HÈM 138/G3	6.900
208	TRƯỜNG CHÍNH	NGÃ 4 BÀ Y HIỀN	NGÃ 3 BÀ QUỆO	13.200
		NGÃ 3 BÀ QUỆO	CẦU THAM LƯƠNG	10.600
209	TRƯỜNG SA	ÚT TỊCH	GIÁP RANH QUẬN PHÚ NHUẬN	8.300
210	TRƯỜNG SƠN	TRỌN ĐƯỜNG		14.300
211	TRUNG LANG	TRẦN MAI NINH	LÊ LAI	6.200
212	ÚT TỊCH	CỘNG HOÀ	LÊ BÌNH	8.800
213	VÂN CÔI	BÀNH VÂN TRÂN	NGHĨA PHÁT	6.400
214	VĂN CHUNG	TRẦN VĂN DƯ	TRĂNG VĂN DANH	6.200
215	TÂN SƠN	PHẠM VĂN BẠCH	QUANG TRUNG - GÒ VẤP	4.400
216	VÕ THÀNH TRANG	LÝ THƯỜNG KIẾT	HỒNG LẠC	6.600
217	XUÂN DIỆU	HOÀNG VĂN THỤ	NGUYỄN THÁI BÌNH	14.100
218	XUÂN HỒNG	TRƯỜNG CHÍNH	XUÂN DIỆU	14.100

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ
		TỪ	ĐẾN	
1	2	3	4	5
219	YÊN THẾ	TƯỜNG RÀO QUÂN ĐỘI	KÊNH NHẬT BẢN	6.600

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ